

Em hãy chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau và thể hiện vào phiếu làm bài trắc nghiệm.

Câu 1: Giá trị lớn nhất của $B = 2012 + 2013 : (a - 6)$ là:

- A. 2 013 B. 2 012 C. 7 D. 4 025

Câu 2: $600 \text{ dam}^2 200 \text{ m}^2 = 6 \frac{1}{[?]}$ ha. Số thích hợp điền vào dấu chấm hỏi là:

- A. 40 B. 30 C. 50 D. 60

Câu 3: Kết quả của phép tính: $5 + 7 + 12 + 19 + \dots + 81 + 131 + 212$ là:

- A. 500 B. 450 C. 548 D. 600

Câu 4: Cho dãy số 11; 14; 17; 20; nếu ta tiếp tục kéo dài các số hạng của dãy số thì số hạng thứ 2013 là:

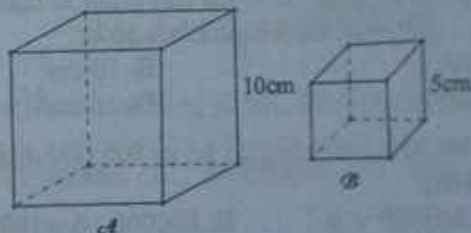
- A. 6 040 B. 6 047 C. 6 037 D. 6 044

Câu 5: Cho: $2013 \times x + x \times \frac{1}{2013} - 2013 = \frac{1}{2013}$. Vậy x bằng:

- A. 2 B. 1 C. 2013 D. 2011

Câu 6: Cho hai hình lập phương có kích thước như hình vẽ. Diện tích toàn phần hình lập phương A gấp mấy lần diện tích toàn phần hình lập phương B?

- A. 4 lần B. 6 lần
C. 8 lần D. 2 lần



Câu 7: Cho phân số $\frac{1}{7}$. Bạn Hòa viết phân số đã cho dưới dạng số thập phân. Chữ số thứ 2013 sau dấu phẩy là:

- A. 2 B. 4 C. 7 D. 8

Câu 8: 14 công nhân dệt 135 tá áo trong 3 ngày. Nếu muốn dệt 540 tá áo trong 2 ngày thì cần có thêm số công nhân là:

- A. 84 công nhân B. 21 công nhân C. 70 công nhân D. 42 công nhân

Câu 9: Tổng của 2 số là 12. Nếu thêm chữ số 3 vào bên phải của số bé thì tổng mới là 51. Số bé ban đầu là:

- A. 6 B. 3 C. 5 D. 4

Câu 10: Cho 1 hình vuông và 2 nửa hình tròn như hình vẽ. Biết diện tích phần tô đậm là 16 cm^2 . Chu vi hình không tô đậm là:

- A. 6,28 cm B. 12,56 cm
C. 16,56 cm D. 10,28 cm



Câu 11: Cho hai số có tổng là 2013 và giữa chúng có 15 số chẵn liên tiếp. Hai số đó là:
A. 991 và 1022 ✓ B. 989 và 1024 C. 974 và 1039 D. 976 và 1037

Câu 12: Một dãy phố có 96 nhà được đánh theo số lẻ bắt đầu từ 1. Vậy số nhà thứ 96 là số:
A. 196 B. 191 ✓ C. 194 D. 192

Câu 13: Một cửa hàng bỏ vốn ra mua một cái quạt máy hết 250 000 đồng. Để được lãi 12% so với giá vốn thì cửa hàng phải bán cái quạt với giá là:

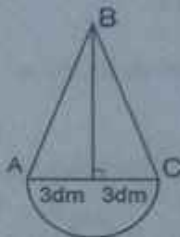
A. 320 000 đồng B. 280 000 đồng ✓ C. 300 000 đồng D. 340 000 đồng

Câu 14: Biết vận tốc của ô tô gấp 4 lần vận tốc của xe đạp, vận tốc của xe máy gấp 3 lần vận tốc xe đạp. Xe máy đi hết quãng đường AB mất 20 phút. Hỏi ô tô đi hết quãng đường đó mất bao lâu?

A. 16 phút B. 13 phút C. 15 phút D. 14 phút

Câu 15: Cho diện tích của hình bên bằng $38,13 \text{ dm}^2$. Chiều cao của tam giác ABC là:

A. 7 dm
B. 8 dm ✓
C. 9 dm
D. 10 dm

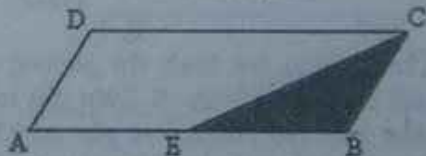


Câu 16: Người ta cắt ra $\frac{3}{5}$ tấm vải, số vải còn lại là 2,4 m. Hỏi $\frac{3}{4}$ tấm vải ban đầu dài bao nhiêu mét?

A. 6,5 m B. 3,5 m C. 5,5 m D. 4,5 m ✓

Câu 17: Cho hình bình hành ABCD với $AE = \frac{1}{2}AB$ như hình vẽ. Diện tích phần tô đậm là 2 cm^2 . Diện tích hình bình hành đó là:

A. 8 cm^2 ✓
B. 10 cm^2
C. 4 cm^2
D. 16 cm^2

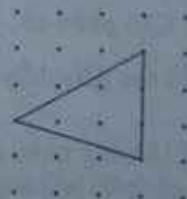


Câu 18: Một cửa hàng đã bỏ ra 800 000 đồng tiền vốn và đã bị lỗ 6%. Để tính tiền lỗ, ta thực hiện:

A. 800000×6 B. $800000 : 6 \times 100$ C. $800000 : 6$ D. $800000 \times 6 : 100$ ✓

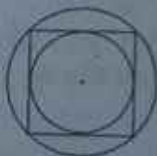
Câu 19: Hình tam giác ở hình bên có diện tích là:

A. 4,5 đơn vị ✓
B. 3,5 đơn vị
C. 4 đơn vị
D. 3 đơn vị



Câu 20: Cho diện tích hình tròn nhỏ là $12,56 \text{ cm}^2$. Diện tích hình tròn lớn là:

A. $31,4 \text{ cm}^2$
B. $56,24 \text{ cm}^2$
C. $25,12 \text{ cm}^2$ ✓
D. $6,28 \text{ cm}^2$



MÔN KIỂM TRA: TOÁN - Phần Tự luận
Thời gian làm bài : 45 phút (Không tính thời gian giao đề)

Họ, tên thí sinh:.....Số báo danh:.....

Bài 1 : (1,0 điểm)

Tính:

$$A = \frac{55}{11 \times 16} + \frac{55}{16 \times 21} + \frac{55}{21 \times 26} + \frac{55}{26 \times 31} + \frac{55}{31 \times 36} + \frac{55}{36 \times 41}$$

Bài 2 : (3,0 điểm)

Cho hình chữ nhật ABCD có DC = 20cm, BC = 15cm và điểm M là trung điểm của cạnh AB. Đoạn thẳng DB cắt đoạn thẳng MC tại điểm O. Tính:

- Diện tích hình thang AMCD.
- Tỉ số của diện tích tam giác DBC và diện tích hình thang AMCD.
- Diện tích tam giác DOC.

Bài 3 : (2,0 điểm)

Hai kho A và B đều chứa hạt cà phê, biết khối lượng cà phê ở kho A bằng $\frac{3}{5}$ khối lượng cà phê ở kho B. Nếu chuyển 7 tấn cà phê từ kho A sang kho B thì kho A có khối lượng cà phê bằng $\frac{4}{9}$ khối lượng cà phê ở kho B. Hỏi cả hai kho chứa bao nhiêu tấn cà phê ?

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN

I. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1 : (1,0 điểm)

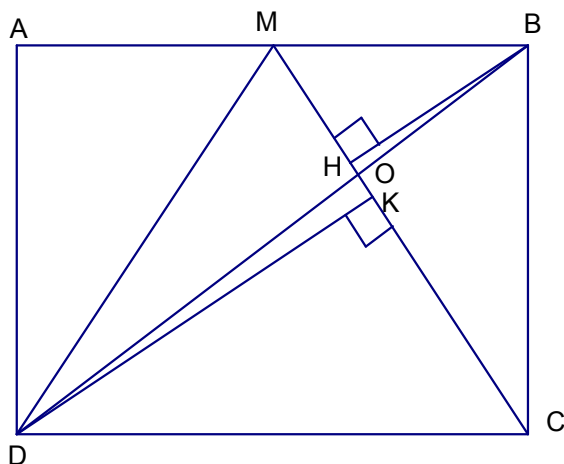
$$A = 11 \times \left(\frac{5}{11 \times 16} + \frac{5}{16 \times 21} + \frac{5}{21 \times 26} + \frac{5}{26 \times 31} + \frac{5}{31 \times 36} + \frac{5}{36 \times 41} \right) \quad (0,25đ)$$

$$= 11 \times \left(\frac{1}{11} - \frac{1}{16} + \frac{1}{16} - \frac{1}{21} + \frac{1}{21} - \frac{1}{26} + \frac{1}{26} - \frac{1}{31} + \frac{1}{31} - \frac{1}{36} + \frac{1}{36} - \frac{1}{41} \right) \quad (0,25đ)$$

$$= 11 \times \left(\frac{1}{11} - \frac{1}{41} \right) = 11 \times \frac{41 - 11}{11 \times 41} = 11 \times \frac{30}{11 \times 41} \quad (0,25đ)$$

$$= \frac{30}{41} \quad (0,25đ)$$

Bài 2 : (3,0 điểm)



a. 1 điểm

Hình vẽ (0,25 đ)

M là trung điểm của cạnh AB nên:

$$AM = MB = 20 : 2 = 10 \text{ (cm)} \quad (0,25đ)$$

Diện tích hình thang AMCD là:

$$\frac{(10 + 20) \times 15}{2} = 225 \text{ (cm}^2\text{)} \quad (0,5đ)$$

b. 1 điểm

Diện tích tam giác DBC là:

$$(20 \times 15) : 2 = 150 \text{ (cm}^2\text{)} \quad (0,5đ)$$

Tỉ số của diện tích tam giác DBC và diện tích hình thang AMCD là:

$$\frac{150}{225} = \frac{2}{3} \quad (0,5đ)$$

c. 1 điểm

Nối M với D.

Diện tích tam giác MDC là: $20 \times 15 : 2 = 150(cm^2)$ (0,25đ)

Diện tích tam giác MBC là: $10 \times 15 : 2 = 75(cm^2)$ (0,25đ)

Kẻ đường cao BH của tam giác MBC và đường cao DK của tam giác MDC.

Hai tam giác MDC và MBC có chung đáy MC và diện tích tam giác MDC gấp 2 lần diện tích tam giác MBC nên đường cao DK cũng gấp 2 lần đường cao BH.

Hai tam giác DOC và BOC có cùng đáy CO; đường cao DK gấp 2 lần đường cao BH nên diện tích hình tam giác DOC gấp 2 lần diện tích hình tam giác BOC.

(0,25đ)

Ta có sơ đồ:

$$\begin{array}{l} S_{DOC} : \text{-----} \\ S_{BOC} : \text{-----} \end{array} \left. \vphantom{\begin{array}{l} S_{DOC} \\ S_{BOC} \end{array}} \right\} 150cm^2$$

Diện tích tam giác DOC là:

$$150 : (2 + 1) \times 2 = 100(cm^2) \quad (0,25đ)$$

Đáp số: a) $225cm^2$ b) $\frac{2}{3}$ c) $100cm^2$

Bài 3 : (2,0 điểm)

Khối lượng cà phê ở kho A bằng $\frac{3}{5}$ khối lượng cà phê ở kho B nên khối lượng cà phê ở kho A bằng $\frac{3}{3+5} = \frac{3}{8}$ khối lượng cà phê ở cả hai kho. (0,5 đ)

Nếu chuyển 7 tấn cà phê từ kho A sang kho B thì lượng cà phê ở kho A bằng $\frac{4}{4+9} = \frac{4}{13}$ khối lượng cà phê ở cả hai kho. (0,5 đ)

7 tấn cà phê chiếm: $\frac{3}{8} - \frac{4}{13} = \frac{7}{104}$ (khối lượng cà phê ở cả hai kho) (0,5 đ)

Khối lượng cà phê ở cả hai kho là: $(7 : 7) \times 104 = 104$ (tấn) (0,5 đ)

Câu 10: Tìm 2 số chẵn có tổng bằng 2010, biết giữa chúng còn có 4 số chẵn.

- A. Số bé: 1000; Số lớn: 1010 B. Số bé: 1002; Số lớn: 1008
C. Số bé: 1004; số lớn: 1006 D. Số bé: 998 ; Số lớn: 1012

Câu 11: Người ta thả một khối sắt (đặc) hình lập phương vào một chậu đựng đầy nước thì khối sắt chìm hoàn toàn trong nước và lượng nước tràn ra ngoài là 27 lít. Vậy cạnh khối sắt đó là :

- A. 3dm B. 6dm C. 9dm D. 27dm

Câu 12: Một hình chữ nhật có chiều rộng bằng 18,75% chu vi của hình đó. Tỉ số phần trăm của chiều rộng và chiều dài của hình chữ nhật đã cho là :

- A. 60% B. 50% C. 25% D. 20%

Câu 13: Số tự nhiên lớn nhất có 5 chữ số mà khi chia số đó cho 2012 được thương và số dư bằng nhau là:

- A. 98637 B. 99999 C. 98588 D. 96624

Câu 14: Anh đi từ nhà đến trường mất 30 phút, em đi từ nhà đến trường đó mất 40 phút. Nếu em đi học trước anh 5 phút thì anh đi bao nhiêu phút sẽ gặp em?

- A. 15 phút B. 12 phút C. 20 phút D. 25 phút

Câu 15: Tổng ba số là 2012. Nếu lấy số thứ nhất chia cho số thứ hai thì được thương là 3 dư 2. Nếu lấy số thứ hai chia cho số thứ ba thì cũng được thương là 3 dư 2. Số thứ nhất là:

- A. 1394 B. 154 C. 464 D. 1388

Câu 16: Nếu tăng một cạnh của hình lập phương lên 4 lần thì thể tích của hình lập phương đó sẽ tăng lên:

- A. 64 lần B. 16 lần C. 32 lần D. 4 lần

Câu 17: Trong các số tự nhiên từ 1000 đến 9999 có bao nhiêu số không chia hết cho 3?

- A. 6000 số B. 3000 số C. 9000 số D. 4500 số

Câu 18: Một hình hộp chữ nhật có chiều cao 7 dm. Nếu tăng chiều cao thêm 3 dm thì thể tích hộp tăng thêm 96 dm^3 . Thể tích của hình hộp chữ nhật đó là:

- A. 224 dm^3 B. 288 dm^3 C. 672 dm^3 D. 960 dm^3

Câu 19: Hàng ngày bạn Nam đi từ nhà lúc 6 giờ 30 phút và đến trường lúc 7 giờ kém 10 phút. Sáng nay do có việc bận nên 7 giờ kém 25 phút bạn mới xuất phát. Nam tính rằng để đến trường đúng giờ, mỗi phút bạn phải đi nhanh hơn hàng ngày 50 m. Độ dài quãng đường từ nhà Nam đến trường là:

- A. 3km B. 2,5km C. 4km D. 3,5km

Câu 20: Tìm x , biết : $\frac{2}{3} : \frac{x}{5} + \frac{5}{7} = \frac{2}{7} : \frac{3}{5} + \frac{10}{9}$

- A. $x = \frac{42}{11}$ B. $x = \frac{11}{42}$ C. $x = \frac{45}{42}$ D. $x = \frac{225}{42}$

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỪA THIÊN HUẾ

KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 6 THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG
NĂM HỌC 2012 - 2013

Khoá ngày 18 tháng 6 năm 2012

ĐỀ THI MÔN TIẾNG VIỆT

Thời gian làm bài: 90 phút (Không tính thời gian giao đề)

I. Trắc nghiệm: (4 điểm)

Em hãy chọn phương án trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau:

Câu 1: Từ “*ai*” trong câu nào dưới đây là từ dùng để hỏi?

- A. Anh ta đem hoa này tặng *ai* vậy?
- B. Ông ta gặng hỏi mãi nhưng không *ai* trả lời.
- C. Anh về lúc nào mà không báo cho *ai* biết cả vậy?
- D. Cả xóm này *ai* mà không biết chú bé lém lỉnh đó!

Câu 2: Trạng ngữ trong câu: “Với tất cả sự nỗ lực của mình, tôi có thể vượt qua mọi khó khăn, trở ngại.” thuộc loại nào sau đây?

- A. Trạng ngữ chỉ phương tiện
- B. Trạng ngữ chỉ mục đích
- C. Trạng ngữ chỉ điều kiện
- D. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân

Câu 3: Các bộ phận chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ trong câu: “Cái hình ảnh trong tôi về cô, đến bây giờ, vẫn còn rõ nét.” được sắp xếp theo thứ tự nào sau đây?

- A. Chủ ngữ - trạng ngữ - vị ngữ
- B. Trạng ngữ - vị ngữ - chủ ngữ
- C. Trạng ngữ - chủ ngữ - vị ngữ
- D. Chủ ngữ - vị ngữ - trạng ngữ

Câu 4: Dòng nào sau đây chưa phải là một câu hoàn chỉnh?

- A. Hình ảnh người dũng sĩ đội mũ sắt, mặc áo giáp sắt, cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt xông thẳng vào quân giặc.
- B. Những cô bé ngày nào nay đã trưởng thành.
- C. Hương cau ngan ngát khắp vườn nhà.
- D. Trên vòm cây, bầy chim hót líu lo.

Câu 5: Cho các câu:

- (1) Nó rơi từ trên tổ xuống.
- (2) Tôi đi dọc lối vào vườn.
- (3) Con chó chạy trước tôi.
- (4) Tôi nhìn dọc lối đi và thấy một con sẻ non mép vàng óng, trên đầu có một nhúm lông tơ.

(5) Chợt nó dừng chân và bắt đầu bò, tưởng như bắt đầu thấy một vật gì.

Cần sắp xếp các câu trên theo cách nào sau đây để tạo thành đoạn văn hoàn chỉnh?

- A. (2) - (3) - (5) - (4) - (1) B. (2) - (3) - (1) - (4) - (5)
C. (2) - (3) - (5) - (1) - (4) D. (2) - (3) - (4) - (5) - (1)

Câu 6: Câu: “Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết mọi khi và cát lại vàng giòn hơn nữa.” có mấy vế câu?

- A. Ba vế câu B. Hai vế câu
C. Một vế câu D. Bốn vế câu

Câu 7: Chủ ngữ trong câu: “Ngay cuối làng, trên mảnh đất bằng phẳng và lổm đóm những khóm hoa, lũ trẻ con xóm Đoài cùng xóm Đông đá bóng.” là gì ?

- A. lũ trẻ con xóm Đoài cùng xóm Đông B. những khóm hoa
C. mảnh đất bằng phẳng D. lũ trẻ con

Câu 8: Trong câu: “Còn lá buồm thì cứ căng phồng như ngực người không lồ đẩy thuyền đi.” có mấy quan hệ từ?

- A. Ba quan hệ từ B. Hai quan hệ từ
C. Một quan hệ từ D. Bốn quan hệ từ

Câu 9: “Mùi thơm huyền diệu đó hoà với mùi của đất ruộng cày vỡ ra, mùi đậu đã già mà người nông phu hái về phơi nắng, mùi mạ non lên sớm xanh màu hoa lí, mùi khoai sắn, mùi rau cần ở các ruộng xâm xấp nước đưa lên.”

Trong câu trên, em xác định được bao nhiêu vị ngữ của câu?

- A. Một vị ngữ B. Hai vị ngữ
C. Ba vị ngữ D. Bốn vị ngữ

Câu 10: Thành ngữ “chân cứng đá mềm” được cấu tạo theo cách nào sau đây?

- A. Danh từ - tính từ - danh từ - tính từ B. Tính từ - danh từ - tính từ - danh từ
C. Động từ - tính từ - động từ - tính từ D. Động từ - danh từ - động từ - danh từ

Câu 11: Có mấy hình ảnh được so sánh với “quả dừa” trong đoạn thơ sau ?

Thân dừa bạc phếch tháng năm,
Quả dừa - đàn lợn con nằm trên cao.
Đêm hè, hoa nở cùng sao,
Tàu dừa - chiếc lược chải vào mây xanh.
Ai mang nước ngọt, nước lành,
Ai đeo bao hũ rượu quanh cổ dừa.

(Trần Đăng Khoa)

- A. Hai hình ảnh
- B. Một hình ảnh
- C. Ba hình ảnh
- D. Bốn hình ảnh

Câu 12: Câu nào sau đây có trạng ngữ chỉ nơi chốn?

- A. Vào khoảng tháng tư tháng năm, trên khắp các mặt hồ mặt ao, hoa sen bắt đầu nở rộ.
- B. Thu về, khi lá bàng vẫn còn xanh, gốc bàng là nơi tụ họp của chúng em.
- C. Để đáp ứng nhu cầu của những người yêu quý súc vật, một phụ nữ ở Pháp vừa mở khu cư xá đầu tiên dành cho các vị khách du lịch bốn chân.
- D. Vào những ngày cuối xuân, đầu hạ, khi nhiều loài cây đã khoác màu áo mới thì cây sấu mới bắt đầu chuyển mình thay lá.

Câu 13: Câu nào sau đây có chứa từ in nghiêng là từ mang nghĩa chuyển?

- A. Tổ quốc tôi như một con tàu

Mũi thuyền ta đó - mũi Cà Mau.

(Xuân Diệu)

- B. Trời sinh ra trước nhất

Chỉ toàn là *trẻ con*.

(Xuân Quỳnh)

- C. Cua ngoi lên bờ

Mẹ em xuống *cáy*...

(Trần Đăng Khoa)

- D. Em Cu Tai ngủ trên *lưng* mẹ ời

Em ngủ cho ngoan, đừng rời *lưng* mẹ

(Nguyễn Khoa Điềm)

Câu 14: Cho đoạn văn sau: “Sầu riêng là loại trái quý của miền Nam. Hương vị nó hết sức đặc biệt, mùi thơm đậm, bay rất xa, lâu tan trong không khí... Sầu riêng thơm mùi thơm của mít chín quyện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà, ngọt cái vị của mật ong già hạn. Hương vị quyến rũ đến kì lạ.”

(Theo Vũ Tú Nam)

Đoạn văn trên có mấy câu đơn, mấy câu ghép?

- A. Ba câu đơn, một câu ghép
- B. Bốn câu đơn, không có câu ghép
- C. Một câu đơn, ba câu ghép
- D. Hai câu đơn, hai câu ghép

Câu 15: Cho các câu: “Mọi người đều sống sờ vì lời thú tội của Chôm. Nhưng nhà vua đã đỡ chú bé đứng dậy. Ngài hỏi còn ai để chết thóc giống không.”

Các câu văn trên được liên kết với nhau bằng cách nào?

- A. Thay thế từ ngữ và dùng từ nổi
B. Lặp từ ngữ và dùng từ nổi
C. Lặp từ ngữ và thay thế từ ngữ
D. Lặp từ ngữ và dùng từ nổi

Câu 16: Có mấy tính từ trong câu sau: “Một sợi khói mỏng manh bay lên rồi nền im lìm trong bóng tối.”?

- A. Hai tính từ B. Một tính từ C. Ba tính từ D. Bốn tính từ

Câu 17: Trong bài thơ sau, những sự vật nào được nhân hoá?

Chú bò tìm bạn

Mặt trời rúc bụi tre
Buổi chiều về nghe mát
Bò ra sông uống nước
Thấy bóng mình ngỡ ai
Bò chào: “Kìa anh bạn!
Lại gặp anh ở đây!”

Nước đang nằm nhìn mây
Nghe bò, cười toét miệng
Bóng bò chợt tan biến
Bò tưởng bạn đi đâu
Cứ ngoái trước nhìn sau
“Ậm ồ...” tìm gọi mãi.

(Phạm Hồ)

- A. Chú bò, mặt trời, nước
B. Mây, nước, chú bò
C. Chú bò, mặt trời
D. Mây, nước, chú bò, mặt trời

Câu 18: Vị ngữ trong câu: “Trên nền cát trắng tinh, nơi ngực cô Mai tì xuống đón đường bay của giặc, mọc lên những bông hoa tím.” là gì?

- A. mọc lên
B. trắng tinh
C. tí xuống đón đường bay của giặc
D. mọc lên những bông hoa tím

Câu 19: Dòng nào dưới đây chỉ gồm các từ láy?

- A. Râm rap, la lũng, nong nản, hăng hắc C. Râm rap, nong nản, bãi bờ, hăng hắc

B. Rậm rạp, rơm rạ, nồng nàn, hăng hắc

D. Rậm rạp, nồng nàn, hăng hắc, không khí

Câu 20: Các dấu phẩy trong câu: “Hoa lá, quả chín, những vật nằm ẩm ướt và con suối chảy thầm dưới chân đua nhau toả mùi hương.” được dùng để làm gì?

A. Đánh dấu ranh giới giữa những từ ngữ có cùng chức vụ trong câu

B. Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép

C. Đánh dấu ranh giới giữa một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó

D. Đánh dấu ranh giới giữa các thành phần phụ với chủ ngữ và vị ngữ

II. Tập làm văn: (6 điểm)

Một cơn mưa phùn buổi đầu xuân hay một trận mưa rào ngày mùa hạ đều có thể mang đến cho thiên nhiên một nét đẹp riêng, quyến rũ... Em hãy tả lại một cảnh đẹp của quê hương em, của Thừa Thiên Huế trong hoặc sau cơn mưa.

---- HẾT ----

HƯỚNG DẪN CHẤM THI MÔN TIẾNG VIỆT
KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 6 THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG
NĂM HỌC 2012 - 2013

Khóa ngày 18 tháng 6 năm 2012

I. Trắc nghiệm: Cách tính điểm: 4 điểm/20 câu. Mỗi câu đúng 0,2 điểm. Tất cả phương án A là phương án đúng.

II. Tập làm văn:

1. Yêu cầu về kiến thức và kĩ năng:

a) Yêu cầu về kiến thức:

Đề bài thuộc kiểu bài văn tả cảnh, yêu cầu học sinh chọn được **một cảnh đẹp của quê hương em, của Thừa Thiên Huế** và viết bài văn tả cảnh đẹp ấy trong một thời điểm cụ thể (**trong hoặc sau cơn mưa**). Bài viết phải hoàn chỉnh về mặt cấu trúc, có đủ mở bài, thân bài và kết bài.

b) Yêu cầu về kĩ năng:

- Học sinh cần có những sáng tạo trong cách viết bài văn tả cảnh, biết chọn những nét tiêu biểu của cảnh được chọn để miêu tả, biết so sánh những hình ảnh đẹp đó vào những thời điểm khác nhau (trước cơn mưa, trong cơn mưa, sau cơn mưa).
- Bài viết đảm bảo tính cân đối trong cấu trúc.
- Câu chuẩn ngữ pháp, văn mạch lạc, giàu hình ảnh và cảm xúc; bài viết cần diễn đạt rõ ý, dùng từ ngữ chính xác, có chọn lọc, biết sử dụng từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm để trình bày nội dung miêu tả; thể hiện được những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc, thái độ của bản thân đối với cảnh được chọn miêu tả.
- Sử dụng được các kiểu câu đã học để thể hiện mục đích nói, viết; không mắc lỗi chính tả, chữ viết đúng mẫu, đẹp, trình bày sạch sẽ, không xóa bỏ tùy tiện.

2. Biểu điểm cụ thể:

Điểm 6: Đáp ứng tốt các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng nêu trên. Bài viết có nhiều cảm xúc, văn viết trong sáng, chọn được cảnh đẹp và có những cảm nhận tinh tế để miêu tả cảnh đẹp của thiên nhiên trong một thời điểm cụ thể. Gắn việc tả bao quát khung cảnh chung với việc đặc tả những chi tiết, sự vật... làm nổi rõ vẻ đẹp riêng của cảnh được chọn. Viết câu, dùng từ chuẩn, có chọn lọc; bài viết cân đối về cấu trúc, có cách mở bài, kết bài hay, sáng tạo.

Điểm 5: Nắm vững yêu cầu đề ra và đáp ứng khá tốt những yêu cầu nêu trên. Bài viết có cảm xúc, văn trong sáng, đã chọn được cảnh đẹp và biết chọn những chi tiết tiêu biểu của cảnh đẹp để miêu tả. Viết câu, dùng từ chuẩn, có chọn lọc nhưng vẫn còn 1 - 2 lỗi về diễn đạt hoặc lỗi chính tả.

Điểm 4: Xác định đúng yêu cầu đề ra, đáp ứng hầu hết các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng nêu trên, bài viết đã chọn và miêu tả khá tốt một cảnh đẹp trong hoặc sau cơn mưa nhưng văn viết chưa thật sự tạo được cảm xúc, vẫn còn mắc 2 - 3 lỗi diễn đạt hoặc lỗi chính tả.

Điểm 3: Bài viết đúng kiểu bài, đảm bảo bố cục nhưng diễn đạt đôi chỗ còn lủng củng, chủ yếu chỉ ghi lại được những hình ảnh trực quan nhưng thiếu sự so sánh, đối chiếu hình ảnh của cảnh vật

trong thời điểm miêu tả với những thời điểm khác để làm rõ vẻ đẹp đặc trưng của cảnh vật trong hoặc sau cơn mưa. Bài viết thiếu những từ ngữ có sắc thái miêu tả tốt như từ láy, hình ảnh so sánh, nhân hóa...; còn mắc từ 3 - 4 lỗi diễn đạt hoặc lỗi chính tả, chữ viết chưa thật đẹp, một đôi chỗ còn xóa sửa tùy tiện.

Điểm 2: Bài viết đúng kiểu bài, có bố cục đủ 3 phần nhưng thiếu cân đối hoặc bài viết chưa đảm bảo đủ cấu trúc 3 phần của một bài văn tả cảnh. Nội dung chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chung nêu trên, văn viết quá sơ sài. Còn mắc trên 4 lỗi diễn đạt hoặc lỗi chính tả.

Điểm 1: Bài viết quá sơ lược, còn mắc quá nhiều lỗi diễn đạt và lỗi chính tả.

Điểm 0: Bài làm lạc đề.

Các mức điểm khác người chấm căn cứ vào những yêu cầu và biểu điểm trên để đánh giá cho hợp lý.

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 6 NĂM HỌC 2011-2012
KHOÁ NGÀY 18 THÁNG 6 NĂM 2011
Đề thi môn: TOÁN – Phần TRẮC NGHIỆM
Thời gian làm bài: 45 phút;
(Không kể thời gian giao đề)

Mã đề thi: 01

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh:

Em hãy chọn phương án trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau và thể hiện vào phiếu trả lời trắc nghiệm theo đúng quy định.

Câu 1: Nếu Hà thêm 1 tuổi thì tuổi Hà bằng $\frac{1}{7}$ tuổi ông và bằng $\frac{1}{4}$ tuổi bố. Biết rằng ông hơn bố 27 tuổi. Tuổi Hà là:

- A. 11 tuổi B. 9 tuổi C. 10 tuổi D. 8 tuổi

Câu 2: 25% của 13 giờ 16 phút 24 giây là:

- A. 3 giờ 4 phút 6 giây B. 3 giờ 19 phút 6 giây
C. 3 giờ 18 phút 4 giây D. 3 giờ 4 phút 21 giây

Câu 3: Khi thực hiện phép cộng hai số thập phân, một học sinh đã viết nhầm dấu phẩy của một số hạng sang bên phải 1 chữ số do đó được kết quả là 682,22. Hai số đã cho là:

- A. 65,74 và 24,82 B. 64,75 và 24,82 C. 24,82 và 65,75 D. 24,82 và 64,75

Câu 4: Hai số có thương bằng 236. Nếu giữ nguyên số bị chia và tăng số chia lên 4 lần thì thương mới là:

- A. 944 B. 118 C. 59 D. 472

Câu 5: $8\frac{4}{125} = \dots\dots\dots$ Điền số thập phân thích hợp vào chỗ các dấu chấm là:

- A. 80,32 B. 8,032 C. 8,203 D. 8,023

Câu 6: $3\text{km}^2 \ 5\text{ha} \ 7\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{ha}$. Số cần điền vào chỗ các dấu chấm là:

- A. 305,007 B. 305,7 C. 305,07 D. 305,0007

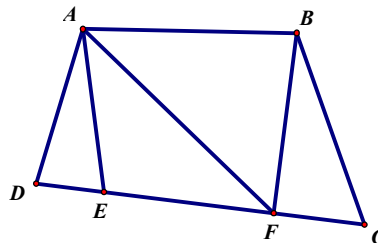
Câu 7: Tìm hai số có tổng gấp 9 lần hiệu của chúng, biết hiệu của hai số đó kém số bé 27 đơn vị.

- A. 35 và 46 B. 46 và 35 C. 36 và 45 D. 45 và 56

Câu 8: (6) Tìm x biết: $x \times 0,125 + 1,26 = 6,58$.

- A. $x = 44,56$ B. $x = 42,56$ C. $x = 45,56$ D. $x = 43,56$

Câu 9: Hình vẽ bên có bao nhiêu hình tứ giác có cạnh AB ?



- A. 5 hình tứ giác B. 6 hình tứ giác C. 4 hình tứ giác D. 8 hình tứ giác

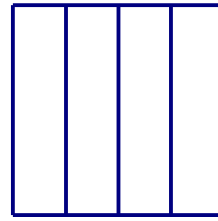
Câu 10: 45% của một số bằng 225,45. Vậy $\frac{1}{3}$ số đó là:

- A. 61,7 B. 16,7 C. 67,1 D. 167

Câu 11: Ngày thường mua 5 bông hoa hết 20 000 đồng. Ngày lễ với số tiền đó chỉ mua được 4 bông hoa. Hỏi so với ngày thường giá hoa tăng hay giảm bao nhiêu phần trăm ?

- A. giảm 15% B. tăng 15% C. tăng 25% D. giảm 20%

Câu 12: Người ta chia một hình vuông ra thành 4 hình chữ nhật bằng nhau (hình vẽ bên). Chu vi của mỗi hình chữ nhật là 40 cm. Chu vi của hình vuông là:



- A. 76 cm B. 84 cm C. 60 cm D. 64 cm

Câu 13: Có 64 hình lập phương nhỏ bằng nhau được xếp lại thành một hình lập phương lớn. Người ta sơn đỏ tất cả các mặt của hình lập phương lớn đó. Số hình lập phương nhỏ có 1 mặt được sơn đỏ là:

- A. 22 hình B. 18 hình C. 24 hình D. 16 hình

Câu 14: Một hình vuông có diện tích là 16 cm^2 thì chu vi bằng:

- A. 32 cm B. 16 cm^2 C. 16 cm D. 64 cm

Câu 15: Một bể nước hình hộp chữ nhật có chiều dài là 2,5m, chiều rộng 1,4m, chiều cao gấp 1,5 lần chiều rộng. Hỏi bể chứa đầy nước thì được bao nhiêu lít ? (biết $1 \text{ dm}^3 = 1 \text{ lít}$ nước)

- A. 735 lít nước B. 7350 lít nước C. 525 lít nước D. 5250 lít nước

Câu 16: Một xe lửa chạy qua một đường hầm dài 300m khi toa cuối cùng ra khỏi hầm thì mất 38 giây. Tìm vận tốc xe lửa khi qua hầm, biết chiều dài xe lửa là 80 m.

- A. 36 km/giờ B. 48 km/giờ C. 50 km/giờ D. 60 km/giờ

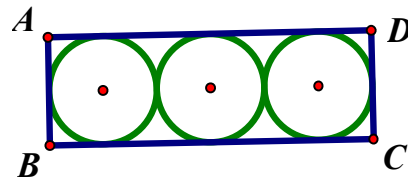
Câu 17: Có hai vòi nước, vòi thứ nhất chảy khi bể chưa có nước thì đầy bể trong 4 giờ. Nếu mở cả hai vòi cùng chảy khi bể đó chưa có nước thì sẽ đầy trong 2 giờ 30 phút. Vòi thứ hai chảy một mình vào bể đó khi chưa có nước thì sau bao lâu đầy bể?

- A. 6 giờ 40 phút B. 5 giờ 40 phút C. 6,40 giờ D. 6 giờ 30 phút

Câu 18: Một hình tam giác có chiều cao 24m và đáy bằng 75% chiều cao. Diện tích hình tam giác đó là:

- A. 216 m^2 B. 214 m^2 C. 210 m^2 D. 200 m^2

Câu 19: Hình bên gồm một hình chữ nhật và 3 hình tròn bằng nhau. Tìm diện tích một hình tròn biết diện tích hình chữ nhật là 36 cm^2 .



- A. $6,28 \text{ cm}^2$ B. Không tính được C. $3,14 \text{ cm}^2$ D. $9,42 \text{ cm}^2$

Câu 20: Cho phân số $\frac{17}{25}$. Bớt cả tử số và mẫu số của phân số đó với cùng một số tự nhiên ta được phân số mới bằng $\frac{1}{5}$. Số tự nhiên đó là :

- A. 18 B. 15 C. 12 D. 9

----- HẾT -----

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 6 NĂM HỌC 2011-2012
KHOẢ NGÀY 18 THÁNG 6 NĂM 2011

Đề thi môn: **TOÁN - Phần TỰ LUẬN**

Thời gian làm bài: 45 phút
(Không kể thời gian giao đề)

Bài 1: (1 điểm)

Thư viện của trường THCS Nguyễn Tri Phương hiện có 5000 quyển sách. Ban Giám hiệu nhà trường đặt ra chỉ tiêu phải đạt là sau một năm số sách của thư viện tăng thêm 15% (so với số sách hiện có), năm kế tiếp tăng thêm 20% (so với số sách của năm trước). Sau hai năm, thư viện nhà trường có tất cả bao nhiêu quyển sách ?

Bài 2: (2 điểm)

Hai bạn An và Bình có tất cả 30 viên bi. Nếu bạn An cho bạn Bình $\frac{2}{7}$ số bi của mình thì số bi còn lại của An bằng $\frac{1}{2}$ số bi mới của Bình. Hỏi số bi ban đầu của mỗi bạn là bao nhiêu ?

Bài 3: (2 điểm)

Một đám đất hình thang có đáy nhỏ bằng 80 m. Bạn Nam ước lượng đáy lớn của đám đất bằng 145 m, bạn Bắc lại ước lượng đáy lớn của đám đất bằng 160 m, cả hai bạn đều ước lượng sai. Nếu ước lượng như bạn Nam thì diện tích đám đất đó giảm 405 m² so với diện tích đúng; nếu ước lượng như bạn Bắc thì diện tích đám đất đó tăng 270 m² so với diện tích đúng. Tính diện tích đúng của đám đất hình thang đã cho.

Bài 4: (1 điểm)

Có một số lít dầu chứa trong một thùng phuy và một số can đựng dầu còn trống, dung tích mỗi can là 6 lít. Từ thùng phuy, nếu bơm đều vào mỗi can 5 lít dầu thì còn thừa 6 lít trong thùng phuy; nếu bơm đều vào mỗi can 6 lít thì hết dầu trong thùng phuy và có một can để không. Hỏi có bao nhiêu can đựng dầu và bao nhiêu lít dầu chứa trong thùng phuy khi chưa bơm vào các can ?

————— Hết —————

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh:

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỪA THIÊN HUẾ

KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 6 THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Khoá ngày 18 tháng 6 năm 2010

ĐỀ THI MÔN TOÁN

Phần: Trắc nghiệm (4 điểm)

Thời gian làm bài: 45 phút (Không tính thời gian giao đề)

Họ, tên thí sinh:.....Số báo danh:.....

Mã đề thi 485

*** Lưu ý:** Thí sinh không trả lời vào tờ in đề thi này.

Em hãy chọn phương án trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau và thể hiện vào phiếu trả lời trắc nghiệm theo đúng quy định:

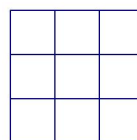
Câu 1: Trong các số tự nhiên từ 1 đến 2010 có bao nhiêu số không chia hết cho 5?

- A. 1609 số B. 1608 số C. 402 số D. 1606 số

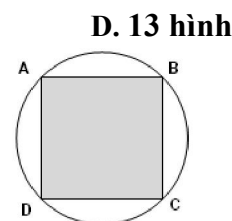
Câu 2: Số thập phân 37,045 được viết dưới dạng hỗn số là:

- A. $3\frac{1481}{200}$ B. $3\frac{149}{20}$ C. $37\frac{9}{200}$ D. $37\frac{9}{20}$

Câu 3: Hình vẽ bên có bao nhiêu hình vuông ?



- A. 12 hình B. 10 hình C. 14 hình

Câu 4: Trong hình vẽ bên, diện tích hình vuông là 400cm^2 . Diện tích hình tròn là:

- D. 13 hình

- A. 628 cm^2 B. 314cm^2 C. 714 cm^2 D. 942 cm^2

Câu 5: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng bằng $\frac{1}{3}$ chiều dài. Nếu bớt chiều dài 2,5m và tăng chiều rộng 2,5m thì diện tích mảnh đất tăng thêm $43,75\text{m}^2$. Diện tích mảnh đất lúc đầu là:

- A. 192m^2 B. 300m^2 C. 432m^2 D. 400m^2

Câu 6: Hai vòi nước cùng chảy vào bể không có nước. Nếu riêng vòi thứ nhất chảy thì mất 2 giờ mới đầy bể. Nếu riêng vòi thứ hai chảy thì 3 giờ mới đầy bể. Thời gian để hai vòi cùng chảy cho đầy bể là:

- A. 1 giờ 30 phút B. 2 giờ 30 phút C. 5 giờ D. 1 giờ 12 phút

Câu 7: Biết $\frac{3}{4}$ lít dầu thì cân nặng $\frac{9}{10}$ kg. Vậy 1 lít dầu cân nặng là:

- A. $\frac{5}{6}\text{ kg}$ B. $\frac{6}{5}\text{ kg}$ C. $\frac{40}{27}\text{ kg}$ D. $\frac{27}{40}\text{ kg}$

Câu 8: Số thích hợp điền vào ô trống dưới đây là:

$$\left(1 + \square \times \frac{9}{7}\right) : 2 = 1$$

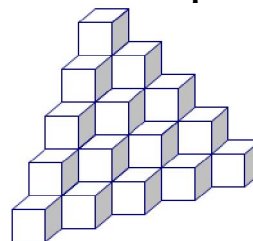
- A. $\frac{7}{9}$ B. $\frac{1}{2}$ C. $\frac{9}{7}$ D. 1

Câu 9: Một người đi hết một quãng đường mất thời gian 100 phút. Nếu tăng vận tốc 25% thì thời gian đi hết quãng đường đó là :

- A. 50 phút B. 90 phút C. 80 phút

D. 25 phút

Câu 10: Các hình lập phương được sắp xếp thành một cái tháp như hình vẽ bên. Tổng số các hình lập phương là:



- A. 25 B. 20 C. 30 D. 35

Câu 11: Một tháng nào đó có ba ngày thứ sáu đều là ngày chẵn. Hỏi ngày 25 của tháng đó là ngày thứ mấy ?

- A. Chủ nhật B. Thứ sáu C. Thứ hai D. Thứ tư

Câu 12: Khi dịch dấu phẩy của một số thập phân sang bên phải một hàng thì được số mới mà tổng của số mới và số ban đầu là 41,14. Vậy số ban đầu là:

- A. 37,4 B. 3,74 C. 4,114 D. 0,4114

Câu 13: Cho phân số $\frac{3}{4}$. Nếu cộng thêm 12 vào tử số thì cần phải cộng thêm số nào vào mẫu số để được phân số mới vẫn bằng $\frac{3}{4}$?

- A. 16 B. 20 C. 12 D. 24

Câu 14: Hai số có hiệu là 15,44. Biết $\frac{1}{3}$ số bé bằng $\frac{1}{5}$ số lớn. Số lớn là:

- A. 7,72 B. 38,6 C. 386 D. 23,16

Câu 15: Hiệu giá trị của hai chữ số 3 trong số 513,34 là:

- A. 0,27 B. 0 C. 3,3 D. 2,7

Câu 16: Một miếng xếp hình hộp chữ nhật có chiều dài 1,8dm, chiều rộng 1,2dm và chiều cao 9cm. Nếu cắt miếng xếp đó thành các hình lập phương nhỏ, mỗi cạnh 3cm thì được bao nhiêu hình ?

- A. 216 hình B. 27 hình C. 72 hình D. 24 hình

Câu 17: Cho hai hình vuông, mỗi hình có cạnh bằng 4cm. Chúng được đặt theo cách sao cho một đỉnh của hình vuông thứ nhất trùng với giao điểm của 2 đường chéo của hình vuông thứ hai. Vậy diện tích phần giao nhau của 2 hình vuông bằng:

- A. 8cm^2 B. 2cm^2 C. 6cm^2 D. 4cm^2

Câu 18: Tổng số tuổi của ông và cháu hiện nay là 78 tuổi. Biết tuổi của ông bao nhiêu năm thì tuổi của cháu bấy nhiêu tháng. Tuổi ông hiện nay là:

- A. 68 tuổi B. 64 tuổi C. 72 tuổi D. 60 tuổi

Câu 19: Khi nhân một số với 12, bạn Nam đã đặt các tích riêng thẳng cột với nhau nên được tích sai là 147. Tích đúng là :

- A. 1225 B. 49 C. 564 D. 588

Câu 20: Một hình chữ nhật, nếu chiều rộng tăng lên 20% và chiều dài giảm đi 1m thì diện tích hình chữ nhật đó tăng lên 5%. Chiều dài của hình chữ nhật đó là:

- A. 8m B. 7m C. 9m D. 10m

----- HẾT -----

Họ, tên thí sinh:.....Số báo danh:.....

Bài 1: (1,5 điểm)

Anh Nam đi từ nhà lên thị xã bằng xe đạp hết 2 giờ 15 phút với vận tốc 12km/giờ. Lúc về cũng trên đoạn đường đó, anh đi bằng ô tô nên chỉ mất 30 phút. Tính vận tốc của ô tô.

Bài 2: (1,5 điểm)

Một người có 280 kg gạo tẻ và gạo nếp. Sau khi người đó bán đi $\frac{3}{4}$ số gạo tẻ và $\frac{2}{3}$ số gạo nếp thì số gạo tẻ và số gạo nếp còn lại bằng nhau. Hỏi lúc đầu người đó có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo mỗi loại?

Bài 3: (3 điểm)

Cho tam giác ABC. Trên cạnh AB lấy điểm M sao cho AM bằng $\frac{1}{3}AB$. Trên cạnh AC lấy điểm N sao cho AN bằng $\frac{1}{3}AC$. Nối B với N, nối C với M; BN cắt CM tại I.

- So sánh diện tích tam giác ABN với diện tích tam giác ACM.
- So sánh diện tích tam giác BMI với diện tích tam giác CNI.
- Tính diện tích tam giác ABC, biết diện tích tứ giác AMIN bằng 90 cm^2 .

.....Hết.....

Giám khảo 1:(ghi rõ họ tên và chữ ký).....

Mã phách

Giám khảo 2:(ghi rõ họ tên và chữ ký).....

Điểm số:.....Bảng chữ:.....

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm) Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi sau đây:

Câu 1 : Một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 5,4m và chiều rộng 4,2m. Người ta lát căn phòng bằng các viên gạch men hình vuông cạnh 3dm. Số viên gạch men cần để lát căn phòng đó là:

- A. 189 viên B. 252 viên C. 756 viên D. 162 viên

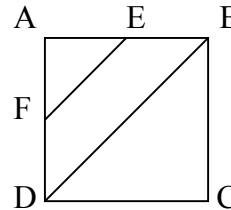
Câu 2 : Cho phân số $\frac{16}{47}$. Hãy tìm một số sao cho đem tử cộng với số đó và đem mẫu số trừ đi số đó ta được phân số mới bằng phân số $\frac{3}{4}$. Số đó là:

- A. 9 B. 10 C. 12 D. 11

Câu 3 : Một vòi nước chảy vào bể cứ $2m^3$ mất 15 phút 20 giây. Biết rằng thể tích của bể là $7m^3$. Vậy, thời gian để vòi nước đó chảy đầy bể là:

- A. 53 phút 40 giây B. 49 phút 40 giây C. 46 phút D. 7 phút 40 giây

Câu 4 : Hình vuông ABCD có diện tích bằng $16cm^2$. Hai điểm E, F lần lượt là trung điểm của cạnh AB và AD. Khi đó diện tích của hình thang EBDف là:



- A. $6 cm^2$ B. $4 cm^2$ C. $2 cm^2$ D. $8 cm^2$

Câu 5 : Chữ số 7 trong số thập phân 34,708 có giá trị là:

- A. $\frac{7}{10}$ B. $\frac{7}{1000}$ C. $\frac{7}{100}$ D. 7

Câu 6 : $1\frac{3}{4}$ ngày =giờ. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 75 giờ B. $\frac{7}{4}$ giờ C. 105 giờ D. 42 giờ

Câu 7 : Số $2\frac{1}{4}$ gấp $\frac{1}{8}$ bao nhiêu lần?

- A. 24 lần B. 12 lần C. 9 lần D. 18 lần

Câu 8 : Tìm y, biết : $\frac{2}{3} : \frac{y}{9} : \frac{7}{5} = \frac{2}{7} : \frac{3}{5} : \frac{10}{9}$

- A. $y = 5$ B. $y = 10$ C. $y = 7$ D. $y = 2$

Câu 9 : Cho tam giác ABC. Nếu giảm đáy BC đi $\frac{1}{3}$ đáy BC thì diện tích giảm đi 127 m^2 . Diện tích tam giác ABC là:

- A. 348 m^2 B. 384 m^2 C. 318 m^2 D. 381 m^2

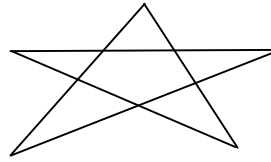
Câu 10 : Bán một cái quạt máy giá 336 000 đồng thì lãi được 12% so với giá vốn. Giá vốn của cái quạt là :

- A. 300 000 đồng B. 280 000 đồng C. 290 000 đồng D. 310 000 đồng

Câu 11 : Chu vi hình tròn bé bằng $\frac{1}{2}$ chu vi hình tròn lớn. Vậy, diện tích hình tròn lớn gấp diện tích hình tròn bé là:

- A. 2 lần B. 3 lần C. 5 lần D. 4 lần

Câu 12 : Số hình tam giác ở hình bên là :



- A. 7 B. 9 C. 10 D. 12

Câu 13 : Tổng của $1 + 3 + 5 + \dots + 2005 + 2007 + 2009 = \dots$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là :

- A. 1009020 B. 1010152 C. 1010025 D. 1011030

Câu 14 : Chu vi một hình vuông tăng 20%. Vậy, diện tích hình vuông đó tăng :

- A. 20% B. 44% C. 25% D. 34%

Câu 15 : Cho các phân số sau : $\frac{2009}{2009}, \frac{2008}{2009}, \frac{29}{28}, \frac{2009}{2008}$. Phân số lớn nhất là :

- A. $\frac{2009}{2008}$ B. $\frac{29}{28}$ C. $\frac{2009}{2009}$ D. $\frac{2008}{2009}$

Câu 16 : Một xe máy lên dốc từ A đến B với vận tốc 25 km/giờ rồi lập tức trở về A với vận tốc gấp 2 lần vận tốc lúc đi. Biết thời gian cả đi và về là 3 giờ. Vậy, quãng đường AB dài :

- A. 45 km B. 60 km C. 50 km D. 75 km

Câu 17 : Một thửa ruộng hình vuông có chu vi 64m. Người ta muốn vẽ trên bản đồ thành một hình vuông có diện tích là 4 cm^2 thì phải vẽ theo tỉ lệ bản đồ là:

- A. $\frac{1}{1600}$ B. $\frac{1}{640000}$ C. $\frac{1}{800}$ D. $\frac{1}{6400}$

Câu 18 : Mẹ biểu bà $\frac{1}{3}$ số trứng gà mẹ có, biểu dì một nửa số trứng gà còn lại, cuối cùng mẹ còn 12 quả trứng gà. Vậy, số trứng gà lúc đầu mẹ có là :

- A. 30 quả trứng gà B. 42 quả trứng gà C. 36 quả trứng gà D. 24 quả trứng gà

Câu 19 : Biết tổng của hai số là 0,25 và thương của hai số đó là 0,25. Số lớn là :

- A. 0,2 B. 0,12 C. 0,15 D. 0,05

Câu 20 : Biết hiệu của hai số là 84 và $\frac{1}{3}$ số bé bằng $\frac{1}{5}$ số lớn . Số bé là:

- A. 42 B. 126 C. 172 D. 120

TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG

KHOÁ NGÀY 18 THÁNG 6 NĂM 2009

MÔN TOÁN □ PHẦN TỰ LUẬN

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1: (3 điểm)

Hai ô tô đi ngược chiều nhau, một xe đi từ A và một xe đi từ B. Hai xe khởi hành cùng một lúc và gặp nhau tại điểm cách A là 16 km và cách B là 24 km. Nếu hai xe muốn gặp nhau tại điểm C sao cho quãng đường CA bằng quãng đường CB thì xe đi từ A phải khởi hành trước xe đi từ B là 6 phút.

a) Tính vận tốc của mỗi xe.

b) Nếu xe đi từ B khởi hành lúc 6 giờ 30 phút thì đến A lúc mấy giờ ?

Bài 2: (3 điểm)

Tam giác ABC có cạnh AB bằng cạnh AC, kẻ đường cao BH và CK lần lượt xuống hai đáy AC và AB.

a) So sánh BH và CK.

b) Trên cạnh AC kéo dài về phía C lấy điểm D, trên cạnh AB lấy điểm E sao cho CD bằng BE. So sánh diện tích tam giác CBE và diện tích tam giác BCD.

c) Nối E với D cắt BC ở I. Biết diện tích tam giác BIE là 12cm^2 . Tính diện tích tam giác BID.

TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Khóa ngày 18 tháng 6 năm 2009

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

CÂU	ĐỀ 1	ĐỀ 2	ĐỀ 3	ĐỀ 4	ĐỀ 5	ĐỀ 6
01	B	A	A	C	C	C
02	D	A	A	D	C	D
03	A	B	D	A	B	B
04	A	A	B	B	A	C
05	A	C	A	B	B	A
06	D	B	B	D	B	C
07	D	C	C	C	D	B
08	B	A	D	D	C	A
09	D	C	C	B	B	D
10	A	B	B	C	A	D
11	D	D	D	C	A	C
12	C	D	B	D	B	D
13	C	B	B	C	A	A
14	B	D	A	A	C	C
15	B	C	C	B	D	A
16	C	A	C	A	D	B
17	C	B	D	A	D	D
18	C	D	A	D	C	B
19	A	C	C	A	D	B
20	B	D	D	B	A	A

***Mỗi câu đúng tính 0,2 điểm**

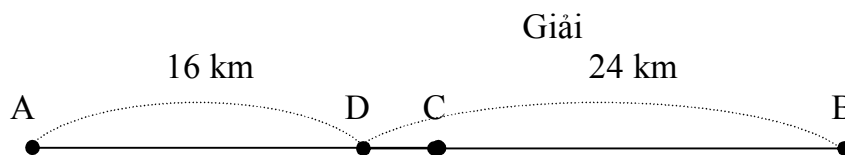
B. PHẦN TỰ LUẬN: (6 điểm)

Bài 1: 3 điểm

Hai ô tô đi ngược chiều nhau, một xe đi từ A và một xe đi từ B. Hai xe khởi hành cùng một lúc và gặp nhau tại điểm cách A là 16 km và cách B là 24 km. Nếu hai xe muốn gặp nhau tại điểm C sao cho quãng đường CA bằng quãng đường CB thì xe đi từ A phải khởi hành trước xe đi từ B là 6 phút.

a) Tính vận tốc của mỗi xe.

b) Nếu xe đi từ B khởi hành lúc 6 giờ 30 phút thì đến A lúc mấy giờ ?



a) 2 điểm

Gọi D là điểm 2 xe gặp nhau sau khi khởi hành cùng một lúc.

Quãng đường AB là: $16 + 24 = 40$ (km) (0,25điểm)

Nếu hai xe gặp nhau tại C thì mỗi xe đi được là: $40 : 2 = 20$ (km) (0,25điểm) Trong cùng một thời gian thì tỉ số vận tốc bằng tỉ số quãng đường. (0,25điểm)

Khi xe ở B chạy được 24 km thì xe ở A chạy được 16 km. Nên khi xe ở B chạy được 20 km thì xe ở A chạy được là:

$$(20 \times 16) : 24 = 40 / 3 \text{ (km)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

Trong 6 phút xe ở A chạy được là:

$$20 - 40/3 = 20/3 \text{ (km)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

$$6 \text{ phút} = 1/10 \text{ giờ}$$

$$\text{Vận tốc xe A là: } 20/3 : 1/10 = 200/3 \text{ (km/giờ)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

$$\text{Tỷ số quãng đường xe đi từ B và xe đi từ A là: } 24/16 = 3/2$$

$$\text{Nên tỷ số vận tốc của xe đi từ B và vận tốc của xe đi từ A là } 3/2 \quad (0,25 \text{ điểm})$$

$$\text{Vận tốc của xe B là: } 200/3 \times 3/2 = 100 \text{ (km/giờ)} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

b) 1 điểm

$$\text{Thời gian của xe B đi đến A là: } 40 : 100 = 2/5 \text{ giờ} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

$$2/5 \text{ giờ} = 24 \text{ phút} \quad (0,25 \text{ điểm})$$

$$\text{Xe B đến A lúc: } 6 \text{ giờ } 30 + 24 \text{ phút} = 6 \text{ giờ } 54 \text{ phút} \quad (0,50 \text{ điểm})$$

Đáp số: a) $200/3$ km/giờ và 100 km/giờ

b) 6 giờ 54 phút

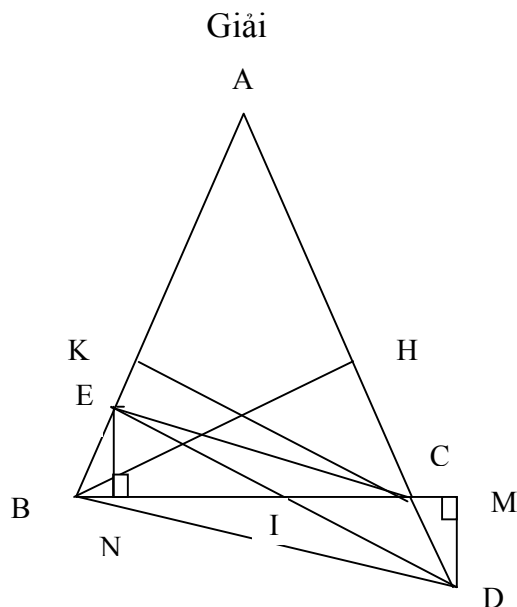
Bài 2: 3 điểm

Tam giác ABC có cạnh AB bằng cạnh AC, kẻ đường cao BH và CK lần lượt xuống hai đáy AC và AB.

a. So sánh BH và CK.

b. Trên cạnh AC kéo dài về phía C lấy điểm D, trên cạnh AB lấy điểm E sao cho CD bằng BE. So sánh diện tích tam giác CBE và diện tích tam giác BCD.

c. Nối E với D cắt BC ở I. Biết diện tích tam giác BIE là 12 cm^2 . Tính diện tích tam giác BID



Hình vẽ (0,5 điểm)

a) Gọi S_{ABC} là diện tích tam giác ABC, ta có :

$$BH = S_{ABC} \times 2 : AC$$

$$CK = S_{ABC} \times 2 : AB$$

Vì chung S_{ABC} và $AB = AC$ nên $BH = CK$ (0,75 điểm)

b) Vì đường cao $BH = CK$ và đáy $CD = BE$ nên $S_{BCD} = S_{CBE}$ (0,75 điểm)

c) Kẻ đường cao DM và EN xuống đáy BC

$$DM = S_{BCD} \times 2 : BC$$

$$EN = S_{CBE} \times 2 : BC$$

Vì cạnh đáy BC chung và $S_{BCD} = S_{CBE}$ nên $DM = EN$ (0,5 điểm)

Ta có : $S_{BIE} = BI \times EN : 2$

$$S_{BID} = BI \times DM : 2$$

Vì chung BI và $EN = DM$

Nên $S_{BID} = S_{BIE} = 12 \text{ cm}^2$. (0,5 điểm)

TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Khoá ngày 14 tháng 6 năm 2008

MÔN KIỂM TRA: TOÁN — PHẦN TRẮC NGHIỆM

Thời gian kiểm tra: 45 phút (không tính thời gian giao đề)

Mã phách:

Giám khảo 1: (ghi rõ họ tên và chữ ký)

Điểm:

Giám khảo 2: (ghi rõ họ tên và chữ ký)

PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi đây:

Câu 1: Một sân trường hình chữ nhật có chiều dài 40 m, chiều rộng 25 m. Trên bản đồ tỷ lệ 1 : 500 thì sân trường đó có diện tích là:

- a. 2 cm^2
- b. $200\,000 \text{ cm}^2$
- c. 2000 cm^2
- d. 40 cm^2

Câu 2: Hình thang có diện tích $8,1 \text{ m}^2$ và trung bình cộng độ dài hai đáy bằng $\frac{9}{7} \text{ m}$. Chiều cao của hình thang đó là:

- a. 6 m
- b. 6,1 m
- c. 6,2 m
- d. 6,3 m

Câu 3: Mua một cuốn sách được giảm giá 25% giá bìa thì phải trả 13 200 đồng. Giá bìa quyển sách là:

- a. 16 000 đồng
- b. 16 600 đồng
- c. 17 600 đồng
- d. 18 600 đồng

Câu 4: Kích thước hai đường chéo của một hình thoi lần lượt là 50 cm và 100 cm. Để một hình vuông có diện tích bằng diện tích của hình thoi đó thì cạnh của hình vuông phải có kích thước là:

- a. 40 cm
- b. 45 cm

- c. 50 cm
- d. 55 cm

Câu 5: Bán kính của một hình tròn bằng độ dài cạnh của một hình vuông. Tỉ số phần trăm giữa chu vi hình tròn và chu vi hình vuông là:

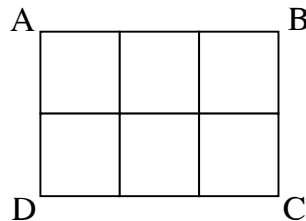
- a. 150%
- b. 125%
- c. 157%
- d. 50%

Câu 6: Giá của một lít xăng A92 tăng từ 12 000 đồng lên 15 000 đồng. Vậy, giá của một lít xăng A92 đã tăng là:

- a. 15%
- b. 20%
- c. 25%
- d. 27%

Câu 7: Hình chữ nhật ABCD được chia thành 6 hình vuông bằng nhau như hình vẽ. Biết mỗi hình vuông có chu vi là 28cm. Vậy chu vi hình chữ nhật ABCD là:

- a. 65cm
- b. 70cm
- c. 75cm
- d. 80cm

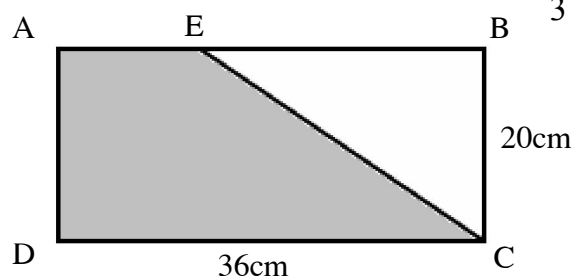


Câu 8: Tìm x biết: $(\frac{1}{4} \times x - \frac{1}{8}) \times \frac{3}{4} = \frac{1}{4}$

- a. $x = 1\frac{2}{3}$
- b. $x = 1\frac{3}{4}$
- c. $x = 1\frac{4}{5}$
- d. $x = 1\frac{5}{6}$

Câu 9: Diện tích phần tô đậm ở hình chữ nhật ABCD có $AE = \frac{1}{3} AB$ là:

- a. 460 cm^2
- b. 500 cm^2
- c. 480 cm^2
- d. 520 cm^2



Câu 10: Một người đi bộ được 1 giờ 45 phút. Để tính quãng đường đã đi, người đó lấy vận tốc (km/giờ) nhân với 1,45 và với cách tính đó thì quãng đường đã sai mất 2,4km. Vậy, người đó đi với vận tốc là:

- a. 8km/giờ
- b. 3,48km/giờ
- c. 3,85km/giờ
- d. 5,3 km/giờ

Câu 11: Trong một tháng nào đó có ngày đầu tháng và ngày cuối tháng đều là ngày chủ nhật. Vậy, tháng đó là:

- a. Tháng Hai
- b. Tháng Ba
- c. Tháng Tư
- d. Tháng Mười hai

Câu 12: Nếu tăng chiều dài một hình chữ nhật thêm 25% và muốn diện tích hình chữ nhật đó không thay đổi thì chiều rộng phải:

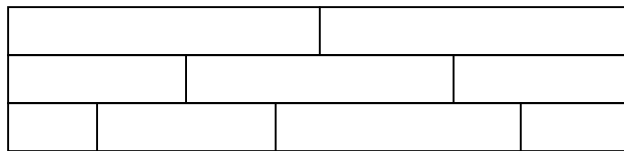
- a. Không thay đổi
- b. Tăng 20%
- c. Giảm 20%
- d. Giảm 25%

Câu 13: $\frac{2}{5} \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ dm}^2$. Số thích hợp để điền vào chỗ “ $\dots\dots\dots$ ” là:

- a. 40
- b. 4
- c. 400
- d. 0,4

Câu 14: Số hình chữ nhật ở hình dưới là:

- a. 22 hình
- b. 19 hình
- c. 18 hình
- d. 20 hình



Câu 15: Lúc mẹ 26 tuổi thì sinh bé Lan. Đến năm 2008 tổng số tuổi của hai mẹ con là 42. Vậy mẹ sinh bé Lan vào năm:

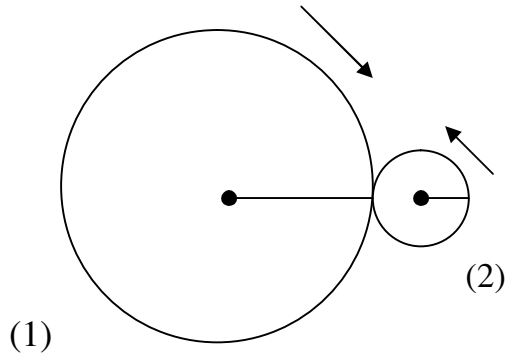
- a. 2000
- b. 1999
- c. 1998
- d. 2001

Câu 16: Một người cưa một khúc gỗ dài 60 dm thành những đoạn dài 15dm, mỗi lần cưa mất 6 phút, thời gian nghỉ giữa hai lần cưa là 2 phút. Vậy, thời gian người ấy cưa xong khúc gỗ là:

- a. 22 phút
- b. 24 phút
- c. 30 phút
- d. 32 phút

Câu 17: Cho các bánh xe truyền động lắp đặt như hình dưới đây. Biết bán kính bánh xe (1) là 4 m, bán kính bánh xe (2) là 1 m. Khi bánh xe số (1) quay được 1,5 vòng thì bánh xe số (2) phải quay là:

- a. 5,5 vòng
- b. 5 vòng
- c. 6 vòng
- d. 4,5 vòng



Câu 18: Hai người cùng khởi hành một lúc, đi từ A và B cách nhau 600m, đi hướng về phía nhau. Vận tốc người đi từ A gấp đôi người đi từ B. Chỗ gặp nhau cách B là :

- a. 200 m
- b. 400 m
- c. 100 m
- d. 300 m

Câu 19: Bán kính hình tròn lớn gấp 5 lần bán kính hình tròn bé. Vậy, diện tích hình tròn lớn gấp diện tích hình tròn bé là:

- a. 5 lần
- b. 10 lần
- c. 20 lần
- d. 25 lần

Câu 20: Người ta viết liên tiếp ĐOANKETĐOANKETĐOAN....thì chữ cái thứ 975 là :

- a. Đ
- b. O
- c. A
- d. K

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỪA THIÊN HUẾ

TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Khoá ngày 14 tháng 6 năm 2008

MÔN KIỂM TRA: TOÁN — PHẦN TỰ LUẬN

Thời gian kiểm tra: 45 phút (không tính thời gian giao đề)

PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

Bài 1: 2,50 điểm

Xe máy thứ nhất đi từ A đến B mất 4 giờ, xe máy thứ hai đi từ B đến A mất 3 giờ . Nếu hai xe khởi hành cùng một lúc từ A và B thì sau 1,5 giờ hai xe sẽ còn cách xa nhau 15 km (hai xe chưa gặp nhau). Tính quãng đường AB.

Bài 2: 2,50 điểm

Cho hình chữ nhật ABCD. Lấy trên cạnh AD điểm P, trên cạnh BC điểm Q sao cho $AP = CQ$.

- So sánh diện tích hình thang ABQP và DPQC.
- Trên cạnh AB lấy điểm M. Nối MD và MC cắt PQ lần lượt tại E, F. Hãy chứng tỏ diện tích hình tam giác MEF bằng tổng diện tích hai hình tam giác DEP và CFQ.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỪA THIÊN HUẾ

TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Khoá ngày 14 tháng 6 năm 2008
HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN

PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Học sinh khoanh đúng một câu, tính 0,25 điểm

Câu 1	D	Câu 6	C	Câu 11	A	Câu 16	A
Câu 2	D	Câu 7	B	Câu 12	C	Câu 17	C
Câu 3	C	Câu 8	D	Câu 13	A	Câu 18	A
Câu 4	C	Câu 9	C	Câu 14	A	Câu 19	D
Câu 5	C	Câu 10	A	Câu 15	A	Câu 20	B

Bài 1: (2,5 điểm)

Mỗi giờ xe thứ nhất đi được : $1:4 = \frac{1}{4}$ (quãng đường AB) 0,5 điểm

Mỗi giờ xe thứ hai đi được : $1:3 = \frac{1}{3}$ (quãng đường AB) 0,5 điểm

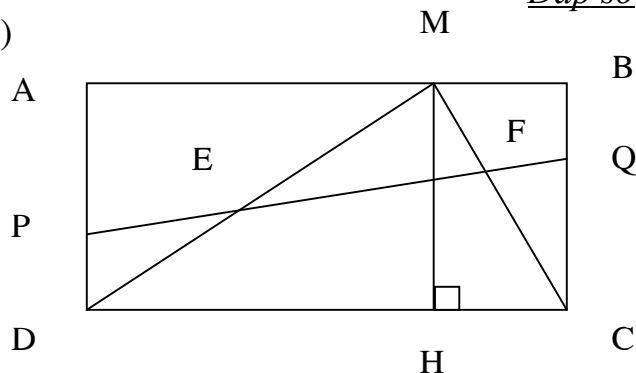
Sau 1,5 giờ cả hai xe đi được: $(\frac{1}{4} + \frac{1}{3}) \times 1,5 = \frac{7}{8}$ (quãng đường AB) 0,5 điểm

Phần số chỉ 15 km là : $1 - \frac{7}{8} = \frac{1}{8}$ (quãng đường AB) 0,5 điểm

Quãng đường AB là : $15 : \frac{1}{8} = 120$ (km) 0,5 điểm

Đáp số : 120 km

Bài 2: (2,5 điểm)



+Hình vẽ đúng, chính xác, tính 0,25 điểm

+Câu a: 1 điểm

$$S_{DPQC} = \frac{QC + DP}{2} \times DC \quad 0,25 \text{ điểm}$$

$$S_{ABQP} = \frac{AP + BQ}{2} \times AB \quad 0,25 \text{ điểm}$$

Mà : $QC = AP$; $DC = AB$ và $AD = BC$

Nên : $DP = BQ$ 0,25 điểm

Vậy : $S_{DPQC} = S_{ABQP}$ 0,25 điểm

+Câu b: 1,25 điểm

Ta có : $S_{DPQC} = S_{ABQP}$ và $S_{DPQC} + S_{ABQP} = S_{ABCD}$

Nên : $S_{DPQC} = S_{ABQP} = \frac{1}{2} S_{ABCD}$ 0,25 điểm

MH là đường cao của tam giác MCD

$$S_{MCD} = \frac{1}{2} MH \times DC = \frac{1}{2} S_{ABCD} \quad 0,25 \text{ điểm}$$

Suy ra: $S_{DPQC} = S_{MCD}$ 0,25 điểm

Mặt khác, hình thang DPQC và hình tam giác MCD có phần chung diện tích là diện tích tứ giác EFCD. 0,25 điểm

Vậy $S_{MEF} = S_{DEP} + S_{CFQ}$ 0,25 điểm

*Học sinh có phương pháp giải khác, đúng tính điểm tối đa.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỪA THIÊN HUẾ

TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Khoá ngày 14 tháng 6 năm 2008

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN PHẦN TRẮC NGHIỆM

PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Học sinh khoanh đúng một câu, tính 0,25 điểm

ĐỀ 1		ĐỀ 2		ĐỀ 3		ĐỀ 4	
Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
01	B	01	D	01	C	01	B
02	D	02	B	02	B	02	B
03	B	03	D	03	C	03	D
04	C	04	B	04	A	04	C
05	A	05	A	05	A	05	C
06	A	06	D	06	B	06	A
07	C	07	C	07	B	07	A
08	B	08	A	08	A	08	A
09	A	09	C	09	D	09	B
10	C	10	A	10	D	10	C
11	B	11	D	11	C	11	A
12	B	12	A	12	C	12	C
13	C	13	C	13	C	13	D
14	D	14	B	14	A	14	C
15	D	15	C	15	D	15	B
16	D	16	B	16	A	16	D
17	A	17	A	17	D	17	B
18	C	18	B	18	D	18	D
19	A	19	D	19	B	19	A
20	D	20	C	20	B	20	D

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THỪA THIÊN HUẾ

TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Khoá ngày 14 tháng 6 năm 2008

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN PHẦN TỰ LUẬN

PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

Bài 1: (2,5 điểm)

Mỗi giờ xe thứ nhất đi được : $1:4 = \frac{1}{4}$ (quãng đường AB) 0,5 điểm

Mỗi giờ xe thứ hai đi được : $1:3 = \frac{1}{3}$ (quãng đường AB) 0,5 điểm

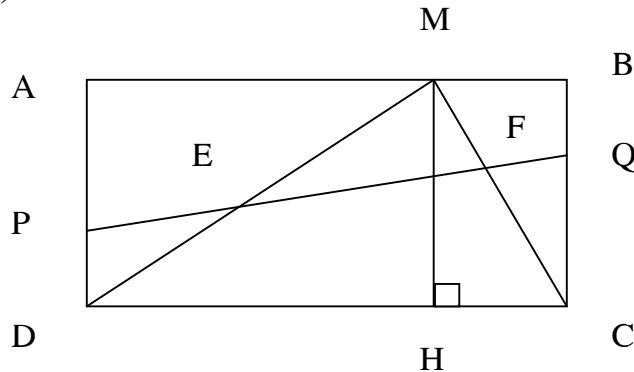
Sau 1,5 giờ cả hai xe đi được: $(\frac{1}{4} + \frac{1}{3}) \times 1,5 = \frac{7}{8}$ (quãng đường AB) 0,5 điểm

Phần số chỉ 15 km là : $1 - \frac{7}{8} = \frac{1}{8}$ (quãng đường AB) 0,5 điểm

Quãng đường AB là : $15 : \frac{1}{8} = 120$ (km) 0,5 điểm

Đáp số : 120 km

Bài 2: (2,5 điểm)



+Hình vẽ đúng, chính xác, tính 0,25 điểm

+Câu a: 1 điểm

$$S_{DPQC} = \frac{QC + DP}{2} \times DC \quad 0,25 \text{ điểm}$$

$$S_{ABQP} = \frac{AP + BQ}{2} \times AB \quad 0,25 \text{ điểm}$$

Mà : $QC = AP$; $DC = AB$ và $AD = BC$

Nên : $DP = BQ$ 0,25 điểm

Vậy : $S_{DPQC} = S_{ABQP}$ 0,25 điểm
+Câu b: 1,25 điểm

Ta có : $S_{DPQC} = S_{ABQP}$ và $S_{DPQC} + S_{ABQP} = S_{ABCD}$

Nên : $S_{DPQC} = S_{ABQP} = \frac{1}{2} S_{ABCD}$ 0,25 điểm

MH là đường cao của tam giác MCD

$S_{MCD} = \frac{1}{2} MH \times DC = \frac{1}{2} S_{ABCD}$ 0,25 điểm

Suy ra: $S_{DPQC} = S_{MCD}$ 0,25 điểm

Mặt khác, hình thang DPQC và hình tam giác MCD có phần chung diện tích là diện tích tứ giác EFCD. 0,25 điểm

Vậy $S_{MEF} = S_{DEP} + S_{CFQ}$ 0,25 điểm

*Học sinh có phương pháp giải khác nếu đúng tính điểm tối đa.

**ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRI PHƯƠNG
NĂM HỌC 2007-2008 - MÔN TOÁN**

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Mã số phách:.....

Giám khảo 1:(ghi rõ họ tên và chữ ký)

Điểm số:.....

Giám khảo 1:(ghi rõ họ tên và chữ ký)

(Học sinh không được ghi vào phần trên này)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5điểm)

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi dưới đây:

Câu 1 : $\frac{3}{5}$ ha =.....m²

- A. 60 m²
- B. 600 m²
- C . 6000 m²
- D. 60.000 m²

Câu 2 : $3\frac{3}{5}$ giờ =.....phút

- A. 200 phút
- B. 212 phút
- C. 216 phút
- D. 218 phút

Câu 3: 25% của 72 là :

- A.15
- B.18
- C. 20
- D. 25

Câu 4 : Số $2\frac{2}{3}$ gấp số $\frac{2}{3}$ bao nhiêu lần ?

- A. 2 lần
- B. 3 lần
- C. 4 lần

D. 5 lần

Câu 5 : Cho tam giác ABC vuông ở A , có $AB = 6 \text{ cm}$, $AC = 8 \text{ cm}$. Độ dài cạnh BC là:

- A. 9 cm
- B. 10 cm
- C. 11 cm
- D. 12 cm

Câu 6 : Số thập phân có ba trăm linh hai đơn vị chín phần trăm được viết là:

- A. 302,9
- B. 302,09
- C. 302,90
- D. 302,009

Câu 7: Trong các phân số: $\frac{3}{5}$, $\frac{4}{7}$, $\frac{5}{9}$ và $\frac{7}{13}$, phân số lớn nhất là:

- A. $\frac{3}{5}$
- B. $\frac{4}{7}$
- C. $\frac{5}{9}$
- D. $\frac{7}{13}$

Câu 8:. Ở một xã mỗi năm số dân tăng thêm 4% so với số dân năm trước đó. Hiện nay xã có 2500 người. Hai năm nữa xã có bao nhiêu người?

- A. 2600 người
- B. 2700 người
- C. 2704 người
- D. 2800 người

Câu 9: Đếm từ 1 đến 100 có bao nhiêu lần xuất hiện chữ số 6:

- A. 18 lần
- B. 19 lần
- C. 20 lần
- D. 21 lần

Câu 10 : Tổng số tuổi của An và Bình hiện nay là 30 tuổi. 5 năm nữa tuổi An bằng

$\frac{2}{3}$ tuổi Bình. Hiện nay tuổi của An và Bình là:

- A. 12 và 18
- B. 11 và 19
- C. 10 và 20
- D. 9 và 21

Câu 11: Trên bản đồ tỷ lệ $\frac{1}{400000}$, khoảng cách giữa hai điểm A và B là 2cm.

Trong thực tế khoảng cách giữa hai điểm đó là :

- A. 80000 cm
- B. 80m
- C. 8km
- D. 800m

Câu 12: Có thể xếp kín bao nhiêu gói trà hình hộp chữ nhật có kích thước 6cm;10 cm và 4cm vào một cái thùng hình hộp chữ nhật có kích thước 0,3m ; 0,8m và 0,5m ?

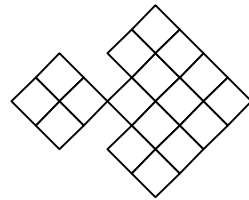
- A. 500 gói
- B. 400 gói
- C. 600 gói
- D. không xếp kín được

Câu 13: Một hình chữ nhật có chu vi gấp 3,6 lần chiều dài. Hỏi chu vi gấp mấy lần chiều rộng?

- A. 4 lần
- B. 4,5 lần
- C. 5 lần
- D. 5,5 lần

Câu 14: Số hình vuông trong hình bên là:

- A. 25 hình vuông
- B. 17 hình vuông
- C. 21 hình vuông
- D. 24 hình vuông



Câu 15: Cho phân số $\frac{67}{98}$. Nếu ta bớt ở tử số và thêm vào mẫu số một số tự nhiên a thì được phân số mới. Rút gọn phân số mới đó ta được phân số $\frac{4}{7}$. Số tự nhiên a là:

- A. 5
- B. 6
- C. 7
- D. 8

Câu 16: Tìm x biết $x + x : 5 = 12,6$

- A. $x = 6$
- B. $x = 7,5$
- C. $x = 8,6$
- D. $x = 10,5$

Câu 17: Tỷ số của a và b là $\frac{3}{8}$, tỷ số của b và c là $\frac{4}{9}$. Tỷ số của c và a là:

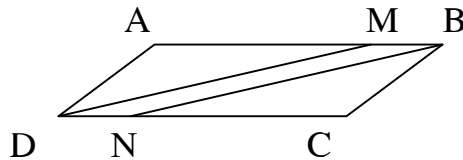
- A. $\frac{32}{27}$
- B. $\frac{1}{6}$
- C. $\frac{27}{32}$
- D. $\frac{6}{1}$

Câu 18: Một người có một tấm vải, sau khi bán $\frac{1}{4}$ tấm vải hiện có và $\frac{1}{4}$ m vải thì còn lại $\frac{3}{4}$ m. Hỏi tấm vải lúc đầu dài bao nhiêu mét?

- A. 4m
- B. 5m
- C. $\frac{5}{4}$ m
- D. $\frac{4}{3}$ m

Câu 19: Thửa đất hình bình hành ABCD có độ dài đáy DC là 42m, người ta làm một đường đi cũng hình bình hành MBND có độ dài đáy DN là 6m và diện tích là 180m^2 (như hình vẽ). Diện tích thửa đất ABCD ban đầu là:

- A. 1000 m^2
- B. 1260 m^2
- C. 1330 m^2
- D. 1380 m^2



Câu 20: Trong một hình chữ nhật, nếu tăng chiều dài 20% và giảm chiều rộng 20% thì diện tích của hình chữ nhật đó giảm 40 m^2 . Diện tích hình chữ nhật ban đầu là:

- A. 1000 m^2
- B. 1200 m^2
- C. 1400 m^2
- D. 1600 m^2

B. PHẦN GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN (5điểm)

Bài 1: (2,5 điểm)

Một người đi xe đạp qua một chiếc cầu, vận tốc khi lên cầu là 6 km/giờ và vận tốc khi xuống cầu là 10 km/giờ. Biết quãng đường lên cầu và xuống cầu của chiếc cầu là bằng nhau và người đó đi xe không dừng lại chỗ nào trên cầu.

a. Hỏi người đó đạp xe với vận tốc trung bình là bao nhiêu?

b. Thời gian người đó đi qua hết chiếc cầu bao nhiêu phút? Biết chiếc cầu dài là 1875 mét.

Bài 2: (2,5 điểm)

Cho hình thang vuông ABCD vuông góc tại A và D ; $AB = \frac{1}{3} CD$. Kéo dài DA và CB cắt nhau tại M.

- So sánh diện tích hai tam giác ABC và ADC.
- So sánh diện tích hai tam giác ABM và ACM.
- diện tích hình thang ABCD bằng 64cm^2 . Tính diện tích tam giác MBA.

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 6 NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Khóa ngày 15 tháng 6 năm 2007

I. TRẮC NGHIỆM (5 ĐIỂM)

Đáp án như sau : Mỗi câu đúng, tính 0,25 điểm

Câu 1: C	Câu 6: B	Câu 11: C	Câu 16: D
Câu 2: C	Câu 7: A	Câu 12: A	Câu 17: D
Câu 3: B	Câu 8: C	Câu 13: B	Câu 18: D
Câu 4: C	Câu 9: C	Câu 14: A	Câu 19: B
Câu 5: B	Câu 10: B	Câu 15: C	Câu 20: A

Bài 1: (2,5 điểm) a/ 1,5 điểm; b/ 1 điểm.

a. Tính vận tốc trung bình:

Đoạn đường lên cầu là S thì đoạn đường xuống cầu cũng là S. 0,50 điểm

Khi đó ta có thời gian người đó đi hết chiếc cầu là:

$$S : 6 + S : 10 = 4S : 15 \quad \text{0,50 điểm}$$

Vận tốc trung bình người đó đi hết chiếc cầu là:

$$2S : (4S : 15) = 7,5 \text{ km / giờ} \quad \text{0,50 điểm}$$

b. Tính thời gian

Ta có $1875 \text{ m} = 1,875 \text{ km}$ 0,25 điểm

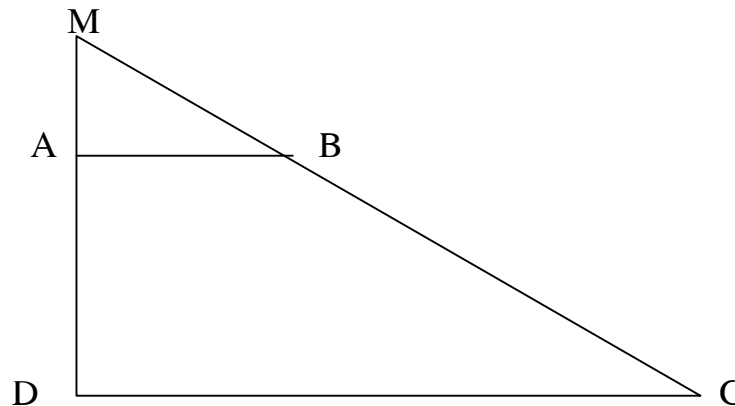
Thời gian người đó đi hết chiếc cầu là:

$$1,875 : 7,5 = 0,25 \text{ (giờ)} \quad \text{0,50 điểm}$$

$$0,25 \text{ giờ} = 15 \text{ phút} \quad \text{0,25 điểm}$$

Đáp số: 7,5 km/h; 15 phút

Bài 2



- a) $S_{ABC} = \frac{1}{3} S_{ADC}$ ($AB = \frac{1}{3} DC$; Hai tam giác đó có chiều cao của chúng là chiều cao của hình thang ABCD)

b) $S_{ABM} = \frac{1}{3} S_{ACM}$ (Hai tam giác này có đáy chung là AM, chiều cao $AB = \frac{1}{3}$ chiều cao CD)

c) Ở câu a, do diện tích tam giác ABC bằng $\frac{1}{3}$ diện tích tam giác ADC.

Vậy diện tích tam giác ABC là: $64 : (1 + 3) = 16 \text{ (cm}^2 \text{)}$

Ở câu b, ta có: $S_{ABM} = \frac{1}{3} S_{ACM}$. Hay $S_{ACM} = 3 \times S_{ABM}$ (1)

Cả hai vế của đẳng thức (1) cùng trừ cho S_{ABM}

Ta có: $S_{ACM} - S_{ABM} = 3 \times S_{ABM} - S_{ABM}$

Suy ra $S_{ABC} = 2 \times S_{ABM}$ hay: $S_{ABM} = \frac{1}{2} S_{ABC}$

Vậy: $S_{ABM} = 16 : 2$

$S_{ABM} = 8$

Vậy diện tích tam giác ABM bằng 8cm^2

SỞ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO
THỪA THIÊN HUẾ

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 6
Khoá ngày 17 tháng 6 năm 2005

Môn thi : **TOÁN**

Thời gian làm bài : 90 phút

Số báo danh:

(Không kể thời gian giao đề)

Câu 1: (2 điểm)

Cho số $62\square3\square$. Điền chữ số thích hợp vào ô trống để được số tự nhiên vừa chia hết cho 5 vừa chia hết cho 9. Có mấy cách điền ?

Câu 2: (2 điểm)

Tính nhanh tổng sau: $1/2 + 1/4 + 1/8 + 1/16 + 1/32 + 1/64$

Câu 3: (2 điểm)

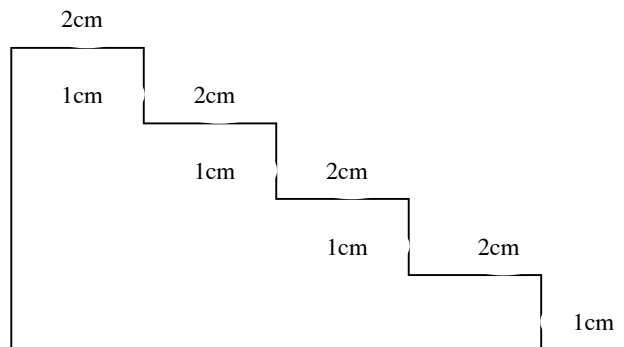
Cho một đoạn dây dài 6 dm 8 cm. Không dùng thước đo, em hãy cắt lấy một đoạn dây dài 51 cm.

Câu 4: (2 điểm)

Trong buổi lễ phát thưởng học sinh giỏi của trường THCS Nguyễn Tri Phương số học sinh Giỏi bằng số học sinh Tiên tiến và cũng bằng số học sinh Khá. Mỗi suất phần thưởng của học sinh Giỏi gấp 2 lần mỗi suất phần thưởng của học sinh Tiên tiến và mỗi suất phần thưởng của học sinh Tiên tiến gấp 2 lần mỗi suất phần thưởng của học sinh Khá. Hỏi số vở để phát thưởng cho mỗi loại học sinh là bao nhiêu? Biết rằng tổng số vở để phát thưởng cho học sinh là 8400 cuốn

Câu 5: (2 điểm)

Tính diện tích của hình bên.



SỞ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO
THỪA THIÊN HUẾ

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 6
Khoá ngày 17 tháng 6 năm 2005

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN

Câu 1: (2 điểm)

Cho số $62\square3\square$. Điền chữ số thích hợp vào ô trống để được số vừa chia hết cho 5 vừa chia hết cho 9. Có mấy cách điền chữ số ?

giải

Có 2 cách điền và cho ta 2 số: 62730 và 62235.

Đúng 1 số tính 1 điểm

Câu 2: (2 điểm)

Tính nhanh tổng sau: $1/2 + 1/4 + 1/8 + 1/16 + 1/32 + 1/64$

giải

Ta thấy: $1/2 = 1 - 1/2$

0,5 đ

$1/2 + 1/4 = (2+1)/4 = 3/4 = 1 - 1/4$

0,5 đ

$1/2 + 1/4 + 1/8 = (4+2+1)/8 = 7/8 = 1 - 1/8$

0,5 đ

.....
Ta có: $1/2 + 1/4 + 1/8 + 1/16 + 1/32 + 1/64 = 1 - 1/64 = 63/64$ 0,5 đ

*Học sinh tính bằng cách quy đồng mẫu số của từng phân số rồi tính. Nếu kết quả đúng trừ 0,5 điểm.

Câu 3: (2 điểm)

Cho một đoạn dây dài 6,8 dm. Không dùng thước đo, em hãy cắt lấy một đoạn dây dài 51 cm.

giải

Ta chia sợi dây đó thành 4 đoạn bằng nhau và cắt lấy 3 phần.

0,5 đ

3 phần đó có độ dài bằng 51 cm

0,5 đ

Vì: 6,8 dm = 68 cm

0,5 đ

$68 : 4 = 17$ (cm)

0,25 đ

$17 \times 3 = 51$ (cm)

0,25 đ

Câu 4: (2 điểm)

Trong buổi lễ phát thưởng học sinh giỏi của trường THCS Nguyễn Tri Phương số học sinh Giỏi bằng số học sinh Tiên tiến và cũng bằng số học sinh Khá. Mỗi suất phần thưởng của học sinh Giỏi gấp 2 lần mỗi suất phần thưởng của học sinh Tiên tiến và mỗi suất phần thưởng của học sinh Tiên tiến gấp 2 lần mỗi suất phần thưởng của học sinh Khá. Hỏi số vở để phát thưởng cho mỗi loại học sinh là bao nhiêu? Biết rằng tổng số vở để phát thưởng cho học sinh là 8400 cuốn

giải

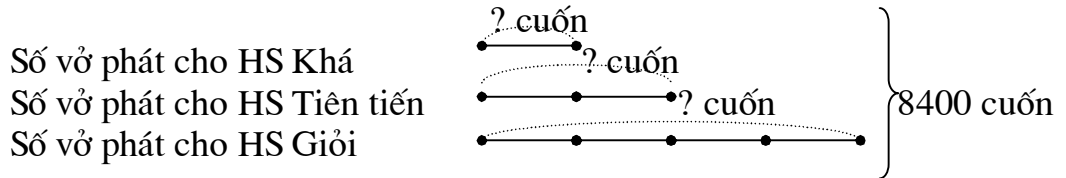
Gọi số vở để phát thưởng cho học sinh Khá là 1 phần. 0,25 đ

Khi đó:

Số vở phát cho học sinh Tiên tiến là: $1 \times 2 = 2$ (phần) 0,25 đ

Số vở phát cho học sinh Giỏi là: $2 \times 2 = 4$ (phần) 0,25 đ

Ta có sơ đồ sau: 0,25 đ



Tổng số phần bằng nhau là: $1 + 2 + 4 = 7$ (phần) 0,25 đ

Số vở phát thưởng cho học sinh Khá là: $8400 : 7 = 1200$ (cuốn) 0,25 đ

Số vở phát thưởng cho học sinh Tiên tiến là:

$1200 \times 2 = 2400$ (cuốn) 0,25 đ

Số vở phát thưởng cho học sinh Giỏi là:

$2400 \times 2 = 4800$ (cuốn) 0,25 đ

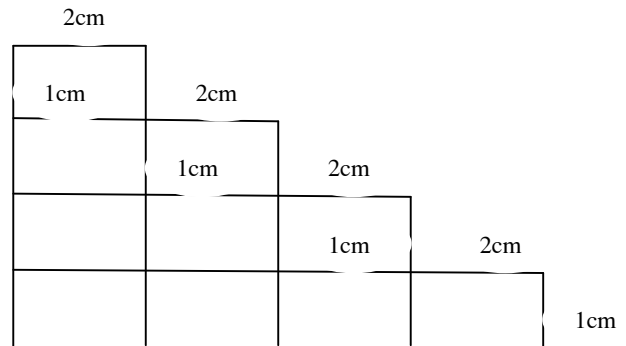
Đáp số : 1200 cuốn; 2400 cuốn và 4800 cuốn

*Học sinh có thể giải bằng cách khác, đúng tính điểm tối đa

Câu 5: (2 điểm)

Tính diện tích của hình bên.

Điểm hình vẽ 0,25 điểm



Giải

Ta chia hình bên thành những hình vuông nhỏ có chiều dài bằng 2 cm và chiều rộng bằng 1 cm như hình vẽ 0,25 đ

Ta có: Tổng số hình vuông nhỏ là: $4 + 3 + 2 + 1 = 10$ (hình) 0,5 đ

Diện tích một hình chữ nhật nhỏ là: $2 \times 1 = 2$ (cm²) 0,5 đ

Diện tích của hình là: $2 \times 10 = 20$ (cm²) 0,5 đ

Đáp số: 20 cm²

*Học sinh có thể làm cách khác, đúng tính điểm tối đa

SỞ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO
THỪA THIÊN HUẾ

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 6
Khoá ngày 17 tháng 6 năm 2004

Môn thi : TOÁN

Thời gian làm bài : 90 phút

Số báo danh:

(Không kể thời gian giao đề)

Câu 1: (5 điểm)

- a) Tìm 18% của 50 và 50% của 18.
b) Tính tổng $S = 1 + 2 + 3 + + 2002 + 2003 + 2004$.

Câu 2: (5 điểm)

Cho biểu thức $P = 2004 + 540 : (x - 6)$ (x là số tự nhiên)

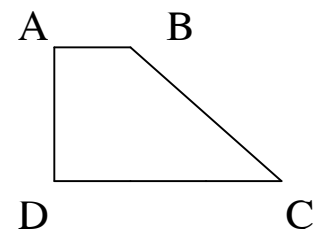
Tìm giá trị số của x để biểu thức P có giá trị lớn nhất, giá trị lớn nhất của P bằng bao nhiêu.

Câu 3: (5 điểm)

Hai bạn Quang và Huy tham gia cuộc đua xe đạp chào mừng “Kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ” chặng đường Huế-Đông Hà. Bạn Quang đi nửa quãng đường đầu với vận tốc 20 km/giờ, nửa quãng đường còn lại với vận tốc 25 km/giờ. Còn bạn Huy đi trong nửa thời gian đầu với vận tốc 20 km/giờ, nửa thời gian còn lại với vận tốc 25 km/giờ. Hỏi bạn nào về đích trước ?

Câu 4: (5 điểm)

Cho hình thang vuông ABCD (như hình vẽ) có đáy bé bằng $\frac{1}{3}$ đáy lớn và có diện tích bằng 24 cm^2 . Kéo dài DA và CB cắt nhau tại M. Tính diện tích tam giác MAB.



**SỞ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO
THỪA THIÊN HUẾ**

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TOÁN
Khoá ngày 17 tháng 6 năm 2004

Câu 1: (5 điểm)

a) 2,0 điểm Tìm 18% của 50 và 50% của 18.

18% của 50 bằng 9 1,0 điểm

50% của 18 bằng 9 1,0 điểm

b) 3,0 điểm Tính tổng của $1 + 2 + 3 + + 2002 + 2003 + 2004$.

Ta có: $1 + 2004 = 2005$ 1,0 điểm

$$2 + 2003 = 2005$$

.....

Có 1002 cặp có tổng bằng 2005. 1,0 điểm

Tổng $S = 2005 \times 1002 = 2\,009\,010$ 1,0 điểm

Câu 2: (5 điểm)

Cho biểu thức $P = 2004 + 540 : (x - 6)$ (x là số tự nhiên)

Tìm giá trị số của x để biểu thức P có giá trị lớn nhất, giá trị lớn nhất của P bằng bao nhiêu.

Bài làm

P có giá trị số lớn nhất khi $(x - 6)$ có giá trị bé nhất. 1,0 điểm

Giá trị bé nhất của $(x - 6)$ là: $x - 6 = 1$ 1,0 điểm

$$x = 1 + 6 \quad \text{0,5 điểm}$$

$$x = 7 \quad \text{0,5 điểm}$$

Khi đó giá trị số của biểu thức P là:

$$P = 2004 + 540 : (7 - 6) \quad \text{1,0 điểm}$$

$$= 2004 + 540 \quad \text{0,5 điểm}$$

$$= 2544 \quad \text{0,5 điểm}$$

Câu 3: (5 điểm)

Hai bạn Quang và Huy tham gia cuộc đua xe đạp chào mừng “Kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ” chặng đường Huế - Đông Hà. Bạn Quang đi nửa quãng đường đầu với vận tốc 20 km/giờ, nửa quãng đường còn lại với vận tốc 25 km/giờ. Còn bạn Huy đi trong nửa thời gian đầu với vận tốc 20 km/giờ, nửa thời gian còn lại với vận tốc 25 km/giờ. Hỏi bạn nào về đích trước.

Bài làm

Hai nửa thời gian thì bằng nhau vì vậy vận tốc trung bình của Huy là:

$$(20 + 25) : 2 = 22,5 \text{ km / giờ} \quad \text{1,0 điểm}$$

Hai nửa quãng đường thì bằng nhau vì vậy:

1 km bạn Quang đi với vận tốc 20 km/giờ thì hết thời gian là: $1/20$ (giờ) 1,0 điểm

1 km bạn Quang đi với vận tốc 25 km/giờ thì hết thời gian là: $1/25$ (giờ) 1,0 điểm

Do đó đi 2 km hết thời gian là:

$$1/20 + 1/25 = 45/500 = 9/100 \text{ (giờ)}$$

0,5 điểm

Bạn Quang đi với vận tốc trung bình cả quãng đường là:

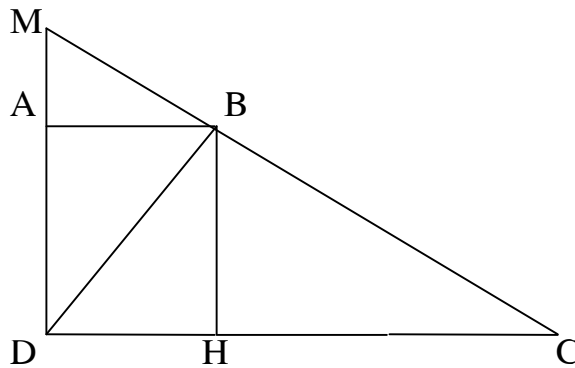
$$2 : 9/100 = 22,22 \text{ (km/giờ)}$$

0,5 điểm

Vì $22,5 \text{ km/giờ} > 22,22 \text{ km/giờ}$ nên bạn Huy về đích trước bạn Quang. 1,0 điểm

Câu 4: (5 điểm)

Cho hình thang vuông ABCD (như hình vẽ) có đáy bé bằng $\frac{1}{3}$ đáy lớn và có diện tích bằng 24 cm^2 . Kéo dài DA và CB cắt nhau tại M. Tính diện tích tam giác MAB.



Bài làm

Nối B với D, kẻ đường cao BH ta có:

$$S_{BAD} = S_{DBH} \text{ vì ADBH là hình chữ nhật.}$$

0,5 điểm

$$\text{Mặt khác } S_{DBH} = \frac{1}{3} S_{DBC} \text{ vì } DH = \frac{1}{3} DC$$

0,5 điểm

$$\text{Nên } S_{BAD} = \frac{1}{4} S_{ABCD}$$

0,5 điểm

$$= 24 : 4 = 6 \text{ (cm}^2\text{)}$$

0,5 điểm

$$\text{Và } S_{DBC} = 24 - 6 = 18 \text{ (cm}^2\text{)}$$

0,5 điểm

Tam giác DBM và tam giác DCM có chung đáy MD và chiều cao $BA = \frac{1}{3} CD$

$$\text{Do đó : } S_{BDM} = \frac{1}{3} S_{CDM}$$

0,5 điểm

$$\text{Suy ra: } S_{BDM} = \frac{1}{2} S_{DBC}$$

0,5 điểm

$$= \frac{1}{2} \times 18$$

0,5 điểm

$$= 9 \text{ (cm}^2\text{)}$$

0,5 điểm

$$\text{Vì } S_{MAB} = S_{BDM} - S_{BAD} \text{ nên: } S_{MAB} = 9 - 6 = 3 \text{ (cm}^2\text{)}$$

0,5 điểm

Đáp số : $S_{MAB} = 3 \text{ cm}^2$.



**SỞ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO
THỪA THIÊN HUẾ**

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 6
Khoá ngày 17 tháng 6 năm 2004

Môn thi : **TIẾNG VIỆT**
Thời gian làm bài : 90 phút

Số báo danh:

(Không kể thời gian giao đề)

Câu 1: 2 điểm

- a) Tìm: - 3 từ láy có thanh nặng đi với thanh ngã.(Ví dụ: đẹp đẽ)
- 3 từ láy có thanh sắc đi với thanh hỏi.(Ví dụ: trắng trẻo)
b) Đặt 1 câu có 2 từ láy mà em vừa tìm được ở trên (1 từ láy có thanh nặng đi với thanh ngã và 1 từ láy có thanh sắc đi với thanh hỏi).

Câu 2: 2,0 điểm

Từ “thật thà” trong các câu dưới đây là danh từ hay động từ, tính từ ? Hãy chỉ rõ từ “thật thà” là bộ phận gì (giữ chức vụ nào) trong mỗi câu sau:

- a) Chị Loan rất thật thà.
b) Tính thật thà của chị Loan khiến ai cũng mến.
c) Chị Loan ăn nói thật thà, dễ nghe.

Câu 3: 1,5 điểm

Thêm những vế câu và cặp từ chỉ quan hệ khác nhau để tạo thành 3 câu ghép có nội dung khác nhau từ câu đơn sau đây: Thuận lười học.

Câu 4: 2,5 điểm

Viết lại đoạn văn sau và dùng dấu chấm, dấu phẩy cho đúng chỗ:

Mặt trăng tròn to và đỏ từ từ lên ở chân trời sau rặng tre đen của làng xa mấy sợi mây còn vắt ngang qua mỗi lúc một mảnh dần rồi đứt hẳn trên quãng đồng rộng cơn gió nhẹ hiu hiu đưa lại thoang thoang mùi hương thơm mát.

(Thạch Lam)

Câu 5: 2,0 điểm

BÓNG MÂY

Hôm nay trời nắng như nung
Mẹ em đi cấy phơi lưng cả ngày
Ước gì em hoá đám mây
Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm.

(Thanh Hào)

Đọc bài thơ trên, em cảm nhận được những nét gì đẹp về tình cảm của người con đối với mẹ ?

Câu 6: 8 điểm **TẬP LÀM VĂN**

Em đã từng được cha mẹ (hoặc bạn bè, người thân) tặng cho một món quà nhân ngày sinh nhật (hoặc ngày lễ, tết). Em hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 25 dòng) tả lại món quà đó và nêu cảm nghĩ của em.

*** Điểm chữ viết và trình bày toàn bài: 2 điểm**

**SỞ GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO
THỪA THIÊN HUẾ**

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TIẾNG VIỆT
Khoá ngày 17 tháng 6 năm 2004

Câu 1: 2 điểm

- a) 3 từ lấy có thanh nặng đi với thanh ngã: lạnh lẽo, sạch sẽ, vạm vỡ □
3 từ lấy có thanh sắc đi với thanh hỏi: vất vả, khúc khuỷu, sáng sửa □
Đúng 1 từ tính 0,25 điểm.

- b) Đặt đúng 1 câu theo yêu cầu của đề, tính 0,5 điểm. Nếu đúng theo ngữ pháp mà không có nghĩa, tính 0,25 điểm.

Câu 2: 2,0 điểm

Từ “thật thà” trong các câu dưới đây là tính từ. Đúng tính 0,5 điểm

- a) Chị Loan rất thật thà. Thật thà: Vị ngữ; đúng tính 0,5 điểm
b) Tính thật thà của chị Loan khiến ai cũng mến. Thật thà: Định ngữ; đúng tính 0,5 điểm
c) Chị Loan ăn nói thật thà, dễ nghe. Thật thà: Bổ ngữ; đúng tính 0,5 điểm

Câu 3: 1,5 điểm

Ví dụ: +Vị Thuận lười học nên cô giáo rất buồn.
+Nếu Thuận lười học thì Thuận không thể được điểm tốt.
+Chẳng những Thuận lười học mà Thuận còn hay nghịch dại.

Đúng 1 câu tính 0,5 điểm

Câu 4: 2,5 điểm

Mặt trăng tròn to và đỏ từ từ lên ở chân trời, sau rặng tre đen của làng xa. Mấy sợi mây còn vắt ngang qua mỗi lúc một mảnh dần rồi đứt hẳn. Trên quảng đồng rộng, con gió nhẹ hiu hiu đưa lại, thoang thoang mùi hương thơm mát.

Đúng 1 dấu câu tính 0,5 điểm (không tính dấu chấm cuối đoạn văn)

Câu 5: 2,0 điểm

Học sinh cần nêu rõ những nét đẹp về tình cảm của người con đối với mẹ qua bài thơ “Bóng mây” như sau:

+Thương mẹ phải làm việc vất vả: **phơi lưng** đi cấy cả ngày dưới trời nắng nóng (nắng như nung). Trả lời đúng ý như trên, tính 1 điểm.

+Ước mong được góp phần làm cho mẹ đỡ vất vả trong công việc: **hoá** thành đám mây để che cho mẹ **suốt ngày bóng râm**, giúp mẹ làm việc trên đồng mát mẻ, khỏi bị nắng nóng.

Trả lời đúng ý như trên, tính 1 điểm.

Câu 6: 8 điểm **Yêu cầu chung**

Bài viết có độ dài khoảng 25 dòng, viết đúng thể loại miêu tả theo nội dung đề bài đã cho (tả lại 1 món quà và nêu rõ cảm nghĩ của bản thân về món quà đó). Bố cục rõ ràng 3 phần, diễn đạt rõ ý, dùng từ đặt câu đúng, câu viết đúng chính tả và ngữ pháp. Văn viết mạch lạc sinh động. Chữ viết và trình bày bài làm rõ ràng, sạch đẹp.

Yêu cầu cụ thể

Điểm 7-8: Thể hiện được các yêu cầu trên. Sai không quá 2 lỗi diễn đạt.

Điểm 5-6: Văn viết mạch lạc sinh động. Đúng trọng tâm. Sai không quá 3 lỗi diễn đạt.

Điểm 3-4: Nắm vững yêu cầu đề ra. Thể hiện hài hòa giữa nội dung và hình thức. Văn viết tương đối trôi chảy, mạch lạc. Sai không quá 4 lỗi diễn đạt.

Điểm 1-2: Ý còn nghèo, văn viết có nhiều chỗ thiếu mạch lạc. Sai không quá 5 lỗi diễn đạt.

Điểm chữ viết toàn bài 2 điểm theo các mức sau: 0,5 điểm; 1 điểm; 1,5 điểm; 2 điểm